Bỗi alăk - d	Hũ rượu
Bỗi măm - d	Hũ mắm
Bôl - d	Bạn
Bôl buăl - d	Bạn bè
Bôl hŏk hdoih - d	Bạn học
Bôn kơne - d	Bắp
Bôn kơne ti - d	Bắp tay
Bơ bôl - đg	Thấy mờ mờ
Bơ lŭk - t	Dại
Bơ ngai gơh hơri - d	Ca sĩ
Bơ ngai kơnĕ - đg	Biến chất
Bơ ngai sem bri - d	Cầm thú
Bơ ngai tơ tung - d	Kẻ cắp
Bơ ngai tơ tung - d	Kẻ cướp
Bơ ngai tung tơmam - d	Kẻ trộm
Bơ o klak - đg	Trướng bụng
Bơ tho - đg	Giáo dục
Bơ wih - đg	Phục vụ
Bở - đg - Anhŏng jĭ kiơ? ĭnh bở klak.	Sình
Bở - đg - Mĕ ĭnh năm bở bơnở tơmir.	Đắp
Bơ tho khan - đg	Bảo ban

Bở; găn - đg	Chắn
Bở jang - d	Công tác
Bở klak - đg	Sình bụng
Bở; pơ nở; jih - d	Bờ
Bơbah - d	Bắc
Bơbah - d	Hướng cửa sông
Bơbâp; nă hal - t	Lập cập
Bơbe - d	Con dê
Bơbe - d	Dê
Bơbe akăn - d	Dê cái
Bơbe bram - d	Dê đực đầu đàn
Bơbe brih - d	Sơn dương
Bơbe klo - d	Dê đực
Bơbe tơ tằm - đg	Dê húc nhau
Bơblông - đg	Ngùn ngụt
Bơbŏng - d	Cái bình bầu
Bơbôn - t	Mịn màng
Bơbở; hơbở - đg	Sờ mó
Bơbŏt - đg	Xài
Bơbŏt jên - đg	Xài tiền
Bơbŏt; pơhuach; hơhoch - đg	Tiêu xài
Bơbrỉng - t	San sát
Bơbrot; pơgrong - t	Liên tục

Bơbrơk; mơ mơnh - đg	Thầm thì
Bơbrơng - đg	Nằm thẳng
Bơbŭk the - đg	Xúc đất
Bơbŭk - đg	Xúc
Bơbŭk trôk - đg	Xúc bùn
Bơbŭng - d	Nóc
Bơbŭng - d - Hnam ĩnh pơm bơbŭng gia.	Mái
Bơbŭng hnam - d	Mái nhà
Bơbŭng hnam - d	Nóc nhà
Bơbŭng pơk - d	Nóc kho
Bơhbơm; hơch - đg	Lỡ
Bơhle - t	Nghịch
Bơhleng - d	Nghén
Bơhngir - d	Mùi hôi
Bơhngol - d	Hương hồn
Bơih - t	Rồi
Bơl hăl - đg	Chán ngán
Bơlah - d - Mai pe ba đĕi lơ bơlah dêh.	Tấm
Bơlah phe; pơlah - d	Tấm gạo
Bơla rôih; pơla rôih - đg	Ngà voi
Bơlang - t - Brai bơlang.	Trắng

Bơlăm - đg	Bàn tán
Bơlŏ - đg	Sốt
Bơlôh - d	Cái lỗ
Bơlơh; bơyong - đg	Thay phiên
Bơlŏk; pơlâk - d	Chì
Bơluăn anăr; drah luăn năr - d	Nhật thực
Bơluăn khĕi - d	Nhật nguyệt
Bơluăn khĕi; drah luăn khĕi - d	Nguyệt thực
Bơluăn; rah luăn - d	Nhật
Bơlŭk; pơgră kng	Quá nhiều
Bơmĕnh gŏ - d	Nhọ nồi
Bơmgai chư - d	Người xấu
Bơmông	Lễ tang không hài cốt
Bơmŏt - d	Hướng tây
Bơmreh - d	Nhánh tre
Bơna - d	Tù binh
Bơneh; pơneh - t	Tối đa
Bơnê - đg	Cám ơn
Bơnê - đg	Khen
Bơnê kră alŏ - đg	Mừng thọ
Bơnê; pơnê - đg	Cảm ơn
Bơng - d	Bể
Bơng - d	Cái bể

Bơng - d	Cái máng
Bơng đak - d	Bể nước
Bơng glơi - d	Bể bơi
Bơng ka - d	Bể cá
Bơng nhũng - d	Máng heo
Bơngai - d	Người
Bơngai alâng - d	Người tốt
Bơngai bahnar - d	Người bahnar
Bơngai buh anoh	Kẻ nào đó
Bơngai chep kŏl đơng đang - d	Bí thư
Bơngai chih tơbăt - d	Nhà báo
Bơngai alŏp - d	Trẻ con
Bơngai chơvong hơkĕ; bơngai hơkĕ - d	Người gầy
Bơngai dơnuh - d	Người nghèo
Bơngai glăi - d	Phạm nhân
Bơngai hơrih - d	Dân cư
Bơngai huŏr gre par - d	Phi công
Bơngai iâm - t	Nhân hậu
Bơngai jang hnam kơmăi; kông nhân - d	Công nhân
Bơngai jang mir - d	Nhà nông
Bơngai jang mir na - d	Làm nông

Bơngai jang mir na - d	Nông dân
Bơngai jĭ - d	Bệnh nhân
Bơngai joh hơri - d	Nhạc sĩ
Bơngai joh suang - d	Nghệ sĩ
Bơngai jrai - d	Người jrai
Bơngai khĕch - d	Người tàu
Bơngai kơih - d	Phóng viên
Bơngai kơjung - d	Người cao
Bơngai kơmăl - d	Người đậm
Bơngai kơmlo - d	Người câm
Bơngai kơnĕ - d	Kẻ gian
Bơngai kơpal the - d	Nhân gian
Bơngai kơtul - d	Người dốt
Bơngai lăng - d	Khán giả
Bơngai nuih - d	Dũng sỹ
Bơngai pơm iông - d	Đại ca
Bơngai pơma - d	Người nói
Bơngai pơma pơm jang hơlĕnh - t	Cáo già
Bơngai pran - d	Lực sỹ
Bơngai rơgĕi - d	Nhân tài
Bơngai tŏk gre - d	Hành khách
Bơngai wă - d	Đối tượng

Bơngai wĕi - d	Người bảo vệ
Bơngai wĕi	Người quản lý
Bơngai wơnh - d	Người điên
Bơngai ƀlơ ƀloh; bơngai ham - d	Người tham lam
Bơnhuăl - d	Tê tê
Bơnơ - d	Cái đập
Bơnơ - d	Con đê
Bơnŏ - d	Kè
Bơnŭng - d	Bánh tẻ
Bơnŭng - t	Non bánh tẻ
Bơo - đg	Trương
Bơo - đg	Trướng
Bơrơng - đg	Dìu dắt
Bơrŏng; pơhnŏng; pơrŏng - đg	Cố ý
Bơtho - đg	Dạy
Bơtho; khan - đg	Khuyên
Bơtho akhan - đg	Dạy bảo
Bơtho alŏng	Dạy tốt
Bơtho ba - đg	Khuyên răn
Bơtho hŏk - đg	Dạy học
Bơtho hrih - đg	Daạy hát
Bơtho rơgĕi	Dạy giỏi
Bơvang; wang dăr; pơvang - đg	Bao vây

Bơvĕnh - d	Cái xoáy
Bơvĭnh - đg	Quanh quẩn
Bơxat - d	Mả
Bơyong; plang; tăh plang - đg	Xen kẽ
Bơyŏng - đg	Đi qua lại
Bơxuh - đg	Múa kiếm
Bơxuh - đg	Nô đùa
Bơxŭn; pơxŭn - d	Túp lều
Bŏ bơnŏ - đg	Đắp bờ
Bŏ bơnŏ - đg	Đắp đập
Bŏ jang alâng - đg	Làm tốt
Bŏ jang; jang - đg	Làm việc
Bŏl - đg	Chán
Bŏl sa	Chán ăn
Bŏng; đŏp; klŏp - đg	Đậy
Brah brêng; pro kreng - d	Cà chua
Brai - d	Chỉ
Brai - d	Sợi chỉ
Brai bơlang - d	Chỉ - trắng
Brai dreng - d	Chỉ vàng
Brai gôh - d	Chỉ đỏ
Brai hơbŭng - d	Chỉ đen
Brai jơk - d	Chỉ xanh
Bral - đg	Chừa

Bral - đg	Chừa bỏ
Bral ; ưh tơlir - đg	Cách
Bral brơt - đg	Kinh hoàng
Bral tơngal - đg	Hoảng hốt
Bral tơrơ - đg	Hoảng sợ
Bram - d	Mặt nạ
Bram - d	Râu dê đực
Brang - d	Cây gió bầu
Brang brah - t	Lấm tấm
Brăm - t	Tạm được
Brâk - đg	Mủi lòng
Brâm đôh - d	Đạn nổ
Bre - d	Họ
Brě	Biền biệt
Brě pă ƀôh	Biệt tăm
Bri - d	Rừng
Bri kông - d	Rừng núi
Bri kơdrŏng - d	Tài nguyên
Bri rơng - d	Rừng rậm
Bring brih - t	Nhá nhem
Bring brông - d	Kẻ ca rô
Bring brông; mak klĕng; mêk - t	Loang lổ
Brŏ pĭt - d	Dương cầm
Broch ƀa; kĕch ƀa - đg	Tuốt lúa

Broch; kěch - đg	Tuốt
Brŏ - d	Đài
Brŏk đŏng hŏk - đg	Đi học về
Brŏk tơ hnam - đg	Về nhà
Brơih - đ	Ẩu
Brŏt - t	Khiếp vía
Bruh brah; brit - t	Cẩu thả
Bruh iŏk; chuĕch iŏk; hơvơi - đg	Chụp lấy
Bruh; chuĕch - đg	Chụp
Brui - d	Cái cọ
Brul; sôk - d	Con dúi
Brunh - đg	Tủm tỉm
Brŭ; mât pơxat - d	Lễ bỏ mả
Brưng; gơxang - d	Gỉ
Brŭ - t	Điều ác
Brŭ	Điều xấu
Buăl juăt - d	Bạn thân
Buch - d	Hạt tiêu
Buh - d	Ai
Buh anoh - kng	Ai đó
Buk - d	Mền
Bung bang - d	Hoa sim
Bŭk - t	Mục
Bưh bưh - p	Mãi mãi

CH ch

Ch	Ch
Chai - d	Cái chai
Chai - d	Cánh kiến
Chai alăk - d	Chai rượu
Chai đak - d	Chai nước
Chai đak măm - d	Chai nước mắm
Chaih - đg	Ném
Chaih hut - đg	Ném đi
Chaih - tơmo - đg	Ném đá
Chak	Loang đuôi
Cham - d	Sân
Cham anhŏt	Bãi rau
Cham đă bŏng lŏng - d	Sân bóng đá
Cham gre par; dơnŏk - d	Phi trường
Cham gre păr; dơnŏk - d	Sân bay
Cham hnam; cham - d	Sân nhà
Cham kơtao - d	Bãi mía
Cham ngôi - d	Sân chơi
Cham ngôi sok iĕr - d	Sân cầu lông
Cham pah bŏng lŏng - d	Sân bóng chuyền

Cham să - d	Quảng trường
Cham să - d	Sân vận động
Cham sŏk - d	Sân phơi
Cham; - tơ nŏk - d	Bãi
Chang - đg	Mong
Chang - đg	Trông chờ
Chang - đg	Trông mong
Chang hmăng - đg	Ngóng
Chang ƀă wih	Mong bố về
Chao anhĕm - d	Cháo thịt
Chao ka - d	Cháo cá
Chao klak - d	Cháo lòng
Chao kơdăp - d	Cháo trứng
Chao kơdĭm - d	Cháo hành
Chao rơnŭng - d	Cháo lươn
Cháo anhĕm rơmo - d	Cháo thịt bò
Char - d	Cáo
Char - d	Mèo rừng
Char - d - Anhŏng oĕi char hơyơ?	Tỉnh
Char chuơh - d	Sa mạc
Char kông - d	Cao nguyên
Char kông - d	Vùng núi

Char the - d	Địa hình
Char - tih - d	Thành phố
Chă - đg	Kiếm
Chă - đg	Tìm
Chă akŏm - đg	Quy tụ
Chă along ŭnh - đg	Kiếm củi
Chă ăn - đg	Tìm cho
Chă băt - đg	Phát giác
Chă bôh - đg	Phát hiện
Chă dăr; dăr lăng - đg	Tuần tra
Chă đon - d	Mưu kế
Chă hơdang - đg	Mò tôm
Chă hơlĕnh - d	Mưu mẹo
Chă hơmŏ - đg	Tiên đoán
Chă hơvŏ ka - đg	Mò cá
Chă hơvŏ; jơjŏ - đg	Mò mẫm
Chă huang - đg	Đi dạo
Chă juang - d	Trinh sát
Chă juang tơmang; chă ngôi - đg	Du lịch
Chă kơchĕng - d	Tâm trí
Chă kơchĕng kơdih; kơchĕng; tơchĕng; tơtĭnh - đg	Suy nghĩ
Chă kơdih - đg	Tự tìm

Chă kơdih; jang kơdih - đg	Tự lực
Chă lăng - đg	Thanh tra
Chă lua; hơnguang; chă druh - đg	Đi săn
Chă mơng - d	Tình báo
Chă năng - đg	Khảo sát
Chă năng - đg	Kiểm soát
Chă năng; lăng hơlen - đg	Quan sát
Chă oh - đg	Tìm em
Chă pơang - đg	Phô trương
Chă pơdăr - d	Mưu trí
Chă pơhrat - t	Phiền lòng
Chă pơiăp - d	Đáp án
Chă pơnhen - đg	Tra khảo
Chă pơtơm - đg	Huy động
Chă pơvao - đg	Suy diễn
Chă sa - đg	Kiếm ăn
Chă tơblah - t	Hiếu chiến
Chă tơdrong - đg	Gây chuyện
Chă tơdrong hdoih - đg	Kết hợp
Chă tơdrong rơgěi - d	Kế hoạch
Chă tơhil - đg	Gây sự
Chă tơmơng	Suy tâm

Chă tơroi - d	Tiểu thuyết
Chă trong - đg	Dò thăm
Chă trong - đg	Tìm đường
Chă wăpơm; chih tơdrong - d	Đề tài
Chă yâu ka; yŏu ka - đg	Xúc cá
Chăl - d	Thời kỳ
Chăl ahrĕi - t	Hiện đại
Chăl ahrĕi - d	Thời đại
Chăl dang ĕi - d	Thời nay
Chăl hle - d	Thời đại mới
Chăl mĭnh - d	Phần một
Chăl ning mônh - d	Thời sau
Chăl sŏ - d	Thời trước
Chăl ƀar - d	Phần hai
Chăl; jơ hnơr - d	Đời
Chăr along ŭnh - đg	Chẻ củi
Chăr hre - đg	Chẻ mây
Chăr jơlak - đg	Chẻ lạt
Chăr pơm pêng - đg	Chẻ làm ba
Chăr pơm ƀar - đg	Chẻ làm đôi
Chăr; blah - đg	Chẻ
Chăt alŏng	Mọc tốt
Chăt; bluh - đg	Nhú

Chăt; hon; đah - đg	Mọc
Châng; kăt; puăt; ret; yuă -đg	Cắt
Châng; kŏh; chre; chŏng; hơlĕh;tơkoh - đg	Chặt
Che - d	Trà
Che - d	Vải
Che - d - Iŏk axong ĭnh che sut cơ bang.	Rẻ
Che găm - d	Vải đen
Che kok - d	Vải trắng
Che nhêu - d	Khăn nhiễu
Che pơkao - d	Vải hoa
Che sut cơbang găm - d	Giẻ lau bảng
Che sut kơbang - d	Giẻ lau bàn
Cheh - đg - Oh đĕi mĭnh tơbôl iĕr anao cheh.	Nở
Chek - đg	Đẻ nhiều
Chek lar	Sinh sản
Chem chom - t	Hiểm hóc
Cheng akŏu - đg	Nghiêng mình
Cheng chong - đg	Xếu mếu
Cheng găn - d	Buồng
Cheng găn - đg	Ngăn cách

Cheng găn tep - d	Buồng ngủ
Cheng hluăn - d - Pơkau cheng hluăn dreng.	Mai
Cheng hơkŭng - d	Mép
Cheng; hơrêng; gơling - t	Nghiêng
Chep chep - đg	Chíp chíp
Chĕp ba - đg	Giữ lấy
Chĕp ba - đg	Phát huy
Chĕp kâl - d	Trạm trưởng
Chĕp kong kơ nol - đg	Giao ước
Chĕp kong kơ nol - đg	Ký kết
Chĕng iŏk bri - đg	Lấy rừng
Chĕng iŏk; plah iŏk - đg	Chiếm lấy
Chĕng song - đg	Quy hoạch
Chĕng sơlam - đg	Chia ranh giới
Chĕng; sih - đg	Ngăn
Chĕp - đg	Cầm
Chĕp - đg	Đem
Chĕp ba; hơrŏng - đg	Mang theo
Chê pơnê - đg	Chế nhạo
Chêng - d	Chiêng
Chêng - d	Chiêng núm
Chêng klŏng - d	Chiêng cải tiến

Chêng so - d	Chiêng cổ
Chhek chhŏk - d	Mâu thuẫn
Chhing - t	Sừng sững
Chho gŏ - đg	Rửa xoong
Chhŏng - đg	Vớt
Chhŏng iŏk ka - đg	Vớt cá
Chhŏnh - đg	Thù hằn
Chhŏnh the - đg	Thù đánh
Chhôk - t	Khoan khoái
Chhŏ; chih - đg	Vẽ
Chhơp rơngơp - t	Mát lòng
Chhơp; rơngơp - t	Mát
Chhŏ bơngai - đg	Vẽ người
Chhŏ rup - đg	Vẽ hình
Chhur; hang nuih; pơjĭ - t	Đau lòng
Chhut hnam; sut hnam - dg	Lau nhà
Chhut kơ ƀang - đg	Lau bàn
Chhut kơ ƀang găm - đg	Lau bảng
Chhut tang dŏ - đg	Lau ghế
Chhut; sut - đg	Lau
Chi tơbăt ăn - đg	Đăng ký
Chih - đg	Biên
Chih - đg	Ghi

Chih - đg	Viết
Chih adrol - đg	Viết nháp
Chih chư - đg	Viết chữ
Chih dỡng - đg	Tái bút
Chih hla pơar - đg	Viết sách
Chih iŏk - đg	Ghi nhận
Chih jŏk - d	Biên nhận
Chih kơchĕng - d	Tiểu luận
Chih măt - đg	Viết tên
Chih pơcheh - d	Tác giả
Chih pơđŏk - d	Văn học
Chih pơsŭ - d	Bút tích
Chih tơ ƀôh - d	Luận án
Chih tơbăt - d	Hoá đơn
Chih tơdrong - d	Luận đề
Chih tơlang - d	Bản thảo
Chih tơroi - đg	Viết phóng sự
Chih ƀlŏk - đg	Ghi nhớ
Chik - d	Dứa
Chik - d	Thơm
Chik đum - d	Dứa chín
Chik kơxĕ - d	Dứa xanh
Chĭnh - d	Chiêng bằng

Chĭt kŏl - tơdrong	Bịt đầu mối
Chĭt măt - đg	Bịt mắt
Chĭt mu mă - đgt	Bịt mặt mũi
Chĭt ti - đg	Bịt tay
Chĭt trôm - đg	Bịt lỗ
Chĭt bŏr - đg	Bịt miệng
Chĭng - d	Cồng
Chĭng chêng - d	Cồng chiêng
Chĭng klơk - d	Đàn tơ rưng
Chĭt - đg	Bịt
Chĭt	Trét kín
Chĭu - đg	Chịu
Chĭu kiŏ - đg	Giác ngộ
Chĭu lôch - đg	Cảm tử
Chĭu lui; giă; yom - đg	Tôn trọng
Chĭu pơmat - t	Chịu khổ
Chĭu pŭ - đg	Chịu mang
Chĭu pŭ - d	Trách nhiệm
Chĭu tơgŭm - đg	Chịu giúp
Chĭu yoch - đg	Chịu tội
Choh - đg	Cuốc
Choh anhiĕt - đg	Làm cỏ
Choh anhiĕt - đg	Dãy cỏ

Choh chŭn - đg	Cuốc ruộng
Choh mir - đg	Cuốc nương
Choh mir - đg	Cuốc rẫy
Choh pơgar - đg	Cuốc vườn
Chok - đg	Khoét rãnh
Chok - dih băl - đg	Đấm nhau
Chok đing - đg	Khoét ống
Chok; hơtŏp; tŭr; hơtâp - đg	Đấm
Chol - d	Chuôi
Chol săng - d	Chuôi dao
Chong - đg	Phát
Chong anhiĕt - đg	Phát cỏ
Chong hơnong ba - đg	Phát rạ
Chong mir - đg	Phát rẫy
Chong muih - đg	Khai hoang
Chong muih - đg	Phát hoang
Chop bơngai tơdông - đg	Rình trộm
Chop kơne - đg	Rình chuột
Chop mŏng - đg	Dò thám
Chor - d	Mạch
Chor hơbong - đg	Đào mương
Chor pham - d	Mạch máu
Chŏu - đg	Bấu vứu

Chỗ - đg	Buộc
Chỗ - đg	Cột
Chỗ - đg	Trói
Chỗ jơlak - đg	Cột lạt
Chỗ nhũng - đg	Trói heo
Chỗ sŏk - đg	Búi tóc
Chỗ tơlěi - đg	Buộc dây
Chông ba - đg	Dắt theo
Chông oh - đg	Dắt em
Chông; bơrơng; kiěu - đg	Dắt
Chôt brŏk - đg	Quay lại
Chôt brŏk - đg	Trở lại
Chơ - đg	Chở
Chơ - d	Chợ
Chơ bơngai - đg	Chở người
Chơ chă; hơbŏ; yuih chă - đg	Tìm kiếm
Chơ chĕr - t	Lấp lánh
Chơ cho hơbăn - đg	May váy
Chơ choh anhĕm - đg	Băm thịt
Chơ choh ao - đg	May áo
Chơ choh chư - đg	Đánh máy
Chơ choh hơbĕn; chơ choh sôm - đg	May quần

Chơ choh kơ ting - đg	Băm xương
Chơ choh; rơba - đg	Băm
Chơ chrĕng - đg	Vang vọng
Chơ chrở - d	Tiếng nước chảy
Chơ gơu - d	Con gấu
Chơ kep - d	Cái kìm
Chơ khŏ đă ƀŏng lŏng - d	Giày thể thao
Chơ mơ; ânao lĕch - đg	Ló
Chơ nglai - d	Lai
Chơ nglai ao - d	Lai áo
Chơ ƀa - đg	Chở lúa
Chơâng - đg	Gàn dở
Chơbĭ - d	Túi xách
Chơchă bôl - d	Ngoại giao
Chơchĕr - t	Lóng lánh
Chơgăm - t	Chăm chỉ
Chơgăm - t	Hăm hở
Chơgăm - t	Hăng hái
Chơgăm - d	Nhiệt tình
Chơgăn; chĕng găn; chĕng pơgăn - đg	Ngăn phòng
Chơgơu - d	Gấu
Chơgơu axeh - d	Gấu ngựa

Chơgơu găm - d	Gấu đen
Chơgơu kŏ - d	Gấu chó
Chơgơu nhŭng - d	Gấu heo
Chơgơu rong - d	Gấu nuôi
Chơkang	Lấy lá bịt ghè rượu
Chơkăl - d	Chốt
Chơkăl amăng - đg	Chốt cửa
Chơkhŏ along - d	Guốc
Chơkhŏ găm - d	Giày đen
Chơkhŏ - d	Dép
Chơkhŏ - d	Giày
Chơkŏ along - đg	Bẩy gỗ
Chơkŏ tơmo - đg	Bẩy đá
Chơkŏ; gông - đg	Bẩy
Chơkơi - d	Vực
Chơkơi jrŭ - d	Vực thẳm
Chơmăt along - d	Chồi cây
Chơnăt - d	Chồi
Chơnăt - d	Mầm
Chơnĕng - d	Tường
Chơnĕng hnam - d	Tường nhà
Chơnĕng hnam; tơnăr hnam - d	Vách nhà
Chơng gô - đg	Chờ đợi

Chơng rơng - đg	Bắc
Chơng rơng - d	Giàn
Chơng rơng gơng - đg	Bắc cầu
Chơng rơng kung - đg	Bắc thang
Chơng rơng tôl - d	Giàn bí
Chơng rơng tơyĕn - d	Giàn mướp
Chơng; gô - đg	Chờ
Chơnglai hơbăn - d	Lai váy
Chơnglai hơbĕn; chơnglai sôm - d	Lai quần
Chĕp kơmung - đg	Gấp mùng
Chơpĕt hĕch - đg	Bóp nát
Chơpĕt; ket; pơpĕt; uh - đg	Bóp
Chơprê - t	Tua tủa
Chơt - t	Vui
Chơt hiôk; hơiă - t	Vui vẻ
Chơvêu; đŏng; tŭng - t	Cong
Chơvơ - đg	Láng cháng
Chơvơng - t	Gầy
Chĕng kơtĕch - đg	Chặt đứt
Chĕp ao - đg	Gấp áo
Chĕp khăn - đg	Gấp chăn
Chraih - đg	Khắc đẽo

Chraih - d - Iŏk chraih axong ĭnh sŭk ƀa.	Trang
Chraih along; trah along - đg	Đẽo cây
Chraih ƀa - đg	Trang lúa
Chraih; trah - đg	Đẽo
Chrang	Bỗng
Chrang - t	Cao
Chrang - d	Thanh
Chrâng chrât - t	Ngỡ ngàng
Chre tơƀla - đg	Tỉa cành
Chre; jrôih - đg	Tỉa
Chrek - đg	Rọc
Chrek; rek - đg	Vạch
Chrek hla ar - đg	Rọc giấy
Chrĕm; tơ ngiĕt - t	Buốt
Chrêng chrang - đg	Ngạc nhiên
Chrêng chrang; blư p	Đột nhiên
Chrih chrai - t	Kì dị
Chrih; hlĭch - t	Lạ
Chro - d	Chìa
Chroch along - đg	Vót cây
Chroch sŏng - đg	Vót chông
Chroch; jĭt - đg	Vót

Chroh - đg	Ỉa chảy
Chroh ƀrum - đg	Vót tên
Chroih trong - t	Lệch đường
Chroih; bloih; plok - t	Lệch
Chrơt dơng - đg	Đứng ngay
Chrơt dơng; nhrơnh - đg	Dừng lại
Chu yom; lui yom - t	Ngoan ngoãn
Chu ƀoh - đg	Chấm muối
Chuai; hơbơ - d	Hình dáng
Chuă; săk; tanh - đg	Đan
Chuěch; iơk - đg	Lấy
Chuơh - d	Cát
Chuơh - d	Sa
Chuơh dreng - d	Cát vàng
Chuơh đak dơxĭ - d	Cát biển
Chuơh hơga - d	Cát sỏi
Chuơh kơk - d	Cát trắng
Chuơh krong - d	Cát sông
Chuơr - đg	Vọt
Chuơr - đg	Vụt
Chŭp - đg	Bốc
Chŭp - đg	Vồ
Chŭp iơk - đg	Bốc hốt

Chur; cher - đg	Chen
Chur; lơlŭt - đg	Lấn
Chŭ chă - d	Thằn lằn
Chŭm - đg	Hôn
Chŭm ti - đg	Hôn tay
Chŭr - d	Phấn
Chŭr - d	Vôi
Chŭr chih - d	Phấn viết
Chư - d	Chữ
Chư alâng - d	Chữ đẹp
Chư sŏ - d	Chữ số
Chư tơm - d	Chữ cái
Chư tơm; chư chih - d	Chữ viết
Chŭ kơnĕ - đh	Ác
Chưk - đg	Ủi
Chŭ hơlĕnh - t	Xảo quệt
Chŭ kơnĕ - t	Dã man

D d

D	D
Dă biờ; dă - đg	Đỡ
Dam - d	Thừng
Dam axeh - d	Dây cương
Dam dă ƀiờ	Đỡ chưa
Dam kơpô - d	Thừng trâu
Dam rơmo - d	Thừng bò
Dan ƀrâm hră - đg	Đặt mũi tên
Dang - đg	Dạng
Dang ăi - k	Như nhau
Dang ăi; hơnâng - t	Bình đẳng
Dang đêl - p	Vẫn vậy
Dang ěi - đ	Bây giờ
Dang ěi - d	Hiện nay
Dang ěi - d	Hiện giờ
Dang jâng - đg	Dạng chân
Dang ŏu - d	Chừng này
Dang ti - đg	Dạng tay
Dang yơ	Bao lâu
Dang yơ; tŏ yơ - d	Chừng nào

Dao chơchoh - d	Dao băm
Dă ƀiờ	Đỡ hơn
Dă ƀiờ bơih	Đỡ rồi
Dăng - đg	Căng
Dăng - đg	Mắc
Dăng - d	Sợi
Dăng hơ nhuăl - đg	Đánh lưới
Dăng tơlěi ŭnh	Mắc dây điện
Dăr - đg	Xoay vòng
Dăr kuěch - t	Quanh co
Dăr; tuěnh; pơdăr - đg	Xoay
Dăr; wer - đg	Đi vòng
Dâng - đg	Dừng
Dâng - đg	Đứng
Dâng gre - đg	Đỗ xe
Dâng mĩnh tơnờng - đg	Đứng một chỗ
Děi yua - t	Có lợi
Děng - dờng - đg	Đung đưa
Děh - d	Thứ tự
Děng - d	Ngón út
Dêh - p	Qua
Dêh - Sư pơma dêh.	Lắm
Dêh char - d	Tổ quốc

Dêh char; tơ ring bôt - d	Quê hương
Dêh hnang - t	Quá mức
Dêh iĕl - d	Quá khứ
Dih băl	Với nhau
Dih băl; hơdai băl - d	Cùng nhau
Dim alâng - t	Hiền từ
Dim rơnim - t	Hiền lành
Dĭng dâng - t	Lững thững
Dit - t	Chậm rãi
Dĭm; kơ dĭm - d	Củ hành
Djol djol - t	Cà nhắc
Djol djol - t	Ca thọt
Djol khŏi - t	Khập khiễng
Djơ djih; hơnhik - t	Ướt đẫm
Djrang - d	Con báo
Djrang - d	Con beo
Djrêm; gôh - t	Đỏ
Djrŏng - đg	Dựng
Djrông; ro - đg	Chảy
Dong - đg	Đập
Dong doi - d	Dãy
Dong doi hnam - d	Dãy nhà
Dor; gah - d	Hướng

Dŏng - đg	Ủng hộ
Dŏng bơngai jĭ - đg	Cấp cứu
Dỗ song; axong - đg	Chia
Dôi - d	Cái bát đồng
Dôk alao - d	Bè nứa
Dôk along - d	Bè gỗ
Dôk kram - d	Bè tre
Dôk; kĭk ram; pơ o - d	Bè
Dôm - d	Mấy
Dôm - d	Những
Dôm anu - đ	Mấy đứa
Dôm anu bơ ngai - đ	Mấy người
Dôm dăng - đ	Mấy sợi
Dôm ĕi - đ	Bây nhiêu
Dôm hla ar - d	Tạp chí
Dôm jơ bơih - đ	Mấy giờ rồi
Dôm tŏ - đ	Mấy cái
Dôm tŏ along - đ	Mấy cây
Dôm tŏ lăm - đ	Mấy phòng
Dôm tơdra nâr pơma	Các dấu câu
Dôm yơ; dôm	Bao nhiêu
Dônh - đg	Lượm
Dơ lễ - d	Ốc sên

Dơ nŏng - đg	Ổn định
Dơ yĕn - d	Mướp
Dỗ song dih băl; axong băl - đg	Chia nhau
Dơduĕnh - t	Chờn vờn
Dơduinh - đg	Quay cuồng
Dơduir; wơvĭl - đg	Loanh quanh
Dơdung dơtăng; del dol - t	Lủng lẳng
Dơhương - t	Cao và đẹp
Dơmŏng - t	Trắng bóc
Dơmông - t	Trắng bệch
Dơnâu - d	Ao
Dơnâu - d	Đầm
Dơnâu pĭk pŭk - d	Ao bèo
Dơnŏu glơi - d	Hồ bơi
Dơnŏu hum - d	Ho tấm
Dơnŏu tơnueng - d	Hồ tơnưng
Dơnŏk - d	Bến cảng
Dơnŏu - d	Hồ
Dơnŏu ka; sơlŭng ka - d	Hồ cá
Dơnŏng - d	Gỗ hương
Dơnŏng - d	Một chỗ
Dơnŏr - d	Nấm mồ
Dơnuh pơmat - t	Nghèo khổ

Dơnuh ŭnh ga - d	Bếp ga
Dơnuh ŭnh; tơnuh - d	Bếp lửa
Dơnuh; hin - t	Nghèo
Dơt - d	Giang hồ
Dơt - đg	Hay thay đổi chỗ ở
Dơxen - t	Hà tiện
Dơxen; tơxen - t	Keo kiệt
Dơyĕn - d	Quả mướp
Dơxĭ - d	Biển
Dơxoh - d	Phổi
Dơxoh kŏ - d	Phổi chó
Dơxoh kơpo - đ	Phổi trâu
Dơxoh nhŭng - d	Phổi lợn
Dơxoh rơmo - d	Phổi bò
Dơxuh; kiĕl - d	Hậu môn
Drang tŏ - d	Ánh nắng
Dră - đg	Bày ra
Drâng - t	Nhất trí
Dreng - d	Màu vàng
Dreng - t - Pơkao cheng hluăn dreng.	Vàng
Dreng drơt - t	Úa vàng
Dreng rang - t	Vàng óng

Dreng ƀrěu - t	Vàng rực
Drěng kiěk - d	Nanh cọp
Drŏ kăn - d	Gái
Drŏ kăn drŏ nglo - d	Gái trai
Drŏ kăn; kơdjŏng - d	Đàn bà
Drŏ nglo; kơnglo - d	Đàn ông
Drong - đg	Ghé vào
Drong găn - đg	Ghé
Drong găn - t	Ngang qua
Drŏu tơning tơmônh - d	Nay mai
Drŏ kăn - d	Nữ
Drŏ kăn; adruh 'lŏ - d	Phụ nữ
Drŏ nglo - d	Nam
Drŏ nglo drŏ kăn - d	Nam nữ
Drŏu - đ	Nay
Drôih - d	Sáng sớm
Drŏ; hơdrŏ - đg	Xốc lên
Drŏng pơm - đg	Đồng ý làm
Drŏng; tơl - đg	Trả lời
Druěi; bŏl; lap; bâl - đg	Ngán
Druěi dêh - đg	Ngán quá
Druěi; ơm - đg	Ngại
Druh kiŏ - đg	Đuổi theo

Druh rôp - đg	Đuổi bắt
Druh; pơdor; puh; tơdruh - đg	Đuổi
Drŭk - d	Màu tím
Drŭk - t	Xám
Drum - đg - Kon kơpô hnam ĩnh drum to to.	Nằm
Drŭt gre - đg	Đẩy xe
Drŭt; tơtŭn; tuh; tơlŏ; tưk ssg	Đẩy
Duch - d	Cô
Duch - d	Dì
Duch bơtho - d	Cô giáo
Duch hle - d	Dì ghẻ
Dŭch - d	Gì
Duda - t	Bất kỳ cái gì
Duh; hrŭ - đg	Đền
Duh; kŭm p	Cũng
Dui - đg	Lôi kéo
Dui jơhngâm lap - đg	Hì hục
Dui tơ ŏu - đg	Kéo vào đây
Dui; hor; pơdŭng - đg	Kéo
Dŭn dăn - t	Lụ khụ
Dur - d	Tràm
Dur; rơgong - d	Hàng rào
Dư - t	Háo ăn

Đ đ

Đă bŏng lŏng - d	Bóng đá
Đah - đg	Nẩy mầm
Đah lang; hơđah; hơră - đg	Nứt nẻ
Đak - d	Nước
Đak ami - d	Nước mưa
Đak angam - d	Nước ngọt
Đak blai - d	Nước tràn
Đak blôk - d	Nước sôi
Đak bur - d	Nước cơm
Đak che - d	Nước trà
Đak dâu ŭnh; đak trôl - d	Dầu hoả
Đak dou - d	Nhiên liệu
Đak đu - d	Dầu
Đak dơxĭ - d	Đại dương
Đak dơxĭ ân đô - d	Ấn độ dương
Đak dơxĭ gah hơ lĕch - d	Bắc băng dương
Đak dơxĭ gah hơ lĕch - d	Biển đông
Đak dơxĭ gah hơlĕch - d	Bể đông
Đak dơxĭ găm - d	Biển đen
Đak dơxĭ să - d	Biển cả
Đak đông - d	Nước nổi

Đak glung - d	Nước suối
Đak hai - d	Nước bọt
Đak hlak; đak kơ drot - d	Mật ong ruồi
Đak hlăng - d	Nước trong
Đak hlăng - d	Nước trong vắt
Đak hoch - d	Nước trôi
Đak hơyô - d	Nước tiểu
Đak hram - d	Nước rỉ
Đak hrở - t	Nước cạn
Đak jũ; đak jrũ - d	Nước sâu
Đak kơ drot - d	Mật ong
Đak kơxŏk - t	Nước đục
Đak kuei - d	Nước giếng
Đak kuer - d	Giếng khoan
Đak lâp - d	Lụt
Đak lâp lah lai - d	Nước triều
Đak lŏk - d	Nước lũ
Đak lŏp hnam - d	Nước ngập nhà
Đak lŏp - d	Lũ lụt
Đak măm - d	Nước mắm
Đak măt - d	Lệ
Đak măt lĕch - d	Lệ rơi
Đak mâk - d	Mực

Đak mong - d	Nước đọng
Đak mŏng - d	Nước mạch
Đak muh - d	Nước mũi
Đak ngom ƀoh - d	Sương muối
Đak nôm - d	Nước đái
Đak pơ jrŏu - d	Hoá chất
Đak prĕl - d	Nước đá
Đak sut - d	Mật ong khoái
Đak tăk - d	Tinh dịch
Đak tăk - d	Tinh trùng
Đak tih - d	Nước dâng
Đak toh - d	Sữa
Đak toh mĕ - d	Sữa mẹ
Đak toh rơmo - d	Sữa bò
Đak tơ nueng - d	Biển hồ
Đak tơnglang - d	Nước giọt
Đak tơnglang - d	Nước máng
Đak xăng gre - d	Xăng xe
Đak xăng; đak dou - d	Xăng
Đak ƀĕnh	Nước đầy
Đal - t	Nông
Đal; đơng; hrŏ - đg	Cạn
Đam jang; đam - d	Đầy tớ

Đang - đg	Đạt
Đang bơih - đg	Đạt rồi
Đang ti - đg	Ngửa tay
Đang; keh - đg	Xong
Đao - d	Gươm
Đao - d	Kiếm
Đao mam - d	Kiếm thép
Đăk - đg	Gài
Đăk - đg - Oh năm đăk akap rôp kơne.	Đặt
Đăk akap - đg	Cài bẫy
Đăk akap - đg	Gài bẫy
Đăk bơngai - đg	Gài người
Đăk bơngai tơlăm - đg	Cài người
Đăk hrŏng - đg	Đặt chông
Đăk hrŏng - đg	Gài chông
Đăk mĭn - đg	Cài mìn
Đăk srŏng - đg	Cắm chông
Đăk bôm - đg	Cài bom
Đăk; kiĕn; hơtŏp; tah - đg	Cắm
Đăm; pơ đăm - d	Số 5
Đâng blŭng - đg	Bắt nguồn
Đâng noh - d	Từ đó

Đâng rŏng kơ - d	Sau khi
Đâng rŏng; rŏng - d	Sau
Đâng sở - t	Xa xưa
Đâng tơm - d	Đầu đề
Đe anhŏng - d	Đàn anh
Đe anoh; bre - đ	Chúng nó
Đe bu - d	Những ai
Đe hơioh - d	Đứa bé
Đe hơioh - d	Đứa trẻ
Đe oh - d	Đàn em
Đe tơmoi; đe nai; bơngai nai	Người khác
Đe; gâp - d	Người ta
Đe; sư - d	Họ
Đĕi - đg	Gồm
Đĕi bơngai lôch - d	Đám ma
Đĕi jơ hngâm	Có sức lực
Đĕi jơ hngâm - t	Sảng khoái
Đĕi tơdrong - d	Hoạ
Đĕi tơdrong - d	Kết quả
Đĕi tơdrong - d	Lý do
Đĕi tơdrong - d	Nguyên nhân
Đĕi tơdrong truh - d	Hoạn nạn
Đĕi yua - t	Có ích

Đěi yua - d	Ích lợi
Đěi anat	Có trở lại
Đěi đon - t	Có tài
Đěi đŏng iě - t	Bẩm sinh
Đěi glăi - t	Có lỗi
Đěi iŏk - đg	Thu hoạch
Đěi juăt - đg	Thích nghi
Đěi phe ƀa	Có lúa gạo
Đěi tŏk - đg	Tốt nghiệp
Đěi tơdrong yoch; yoch - d	Tội lỗi
Đěi yoch - t	Có tội
Đěi ƀơm - đg	Liên quan
Đêl - d	Dấu vết
Đêl đăi - thoi sŏ - đg	Giống như cũ
Đêl rơka - d	Sẹo
Đĭ đăng - đg	Hoàn toàn
Đĭ jơhngâm - p	Hết lòng
Đĭ nâr - p	Hết lời
Đĭ ƀoh - đg	Hết muối
Đing alao - d	Ống nứa
Đing đak - d	Ống nước
Đing et tơdrô - d	Cần rượu
Đing kram - d	Ống tre

Đing lem - d	Ống thị muối
Đing mơh; đing por - d	Ống cơm
Đing simel - d	Ống nhòm
Đing ƀoh - d	Ống muối
Đing; nhong - d	Ống
Đinh jơng - d	Cái khèn
Đĩ drỡng - tr	Đã đồng ý
Đĩ đăng bơngai; rim bơngai - d	Mọi người
Đĩ đunh - tr	Đã lâu
Đĩ hiơt - tr	Đã quên
Đĩ jên - đg	Hết tiền
Đĩ juăt - d	Thói quen
Đĩ phe - đg	Hết gạo
Đĩ ƀa - đg	Hết lúa
Đĩ ƀiau - đg	Hết trơn
Đĩch - d	Nô lệ
Đĩnh; kơđinh - d	Cái đinh
Đoh hơle - đg	Đeo bông tai
Đoh măt kơmil - đg	Đeo kính
Đok - d	Con khỉ
Đŏk - đg	Đọc
Đŏl - t	Nóng tính
Đŏl - đg	Nổi cộm

Đom along - đg	Kẹt cây
Đom gre - đg	Kẹt xe
Đom; tơhlăk - đg	Mắc kẹt
Đon - d	Tai
Đon alŏng - d	Tai tốt
Đon axi - t	Ù tai
Đon gah ama - d	Tai phải
Đon gah angiĕu - d	Tai trái
Đon gơh - d	Tài đức
Đon hơbăng - d	Tai thính
Đon hueh - d	Tai hỏng
Đon jơhngâm mĕ - d	Nghĩa mẹ
Đon klik - t	Nặng tai
Đon klĭk - d	Tai điếc
Đon kuăt - d	Trí nhớ
Đon mơnat - đg	Nhường
Đon pek; pek - d	Mủ tai
Đon rơ gĕi - t	Tài giỏi
Đon tơchĕng - d	Cái tai
Đon tơchĕng; đon kơchĕng -d	Ý nghĩ
Đŏ đâng hre; giŏ đêl hre - đg	Đòi nợ
Đŏk chư - đg	Đọc chữ
Đŏk kơtul	Đọc dốt

Đŏk rơgĕi	Đọc giỏi
Đŏk; kăm - t	Độc
Đŏl - t	Cộm
Đỗ duh - đg	Bắt đền
Đỗ; giơ; apĭnh - đg	Đòi
Đôh; pơđôh - đg	Nổ
Đôn; kĕ - đg	Nổi
Đôt jâng - t	Cụt chân
Đôt kieng - t	Cụt đuôi
Đôt ti; tŭl ti - t	Cụt tay
Đôt; tŭl - t	Cụt
Đơđik - t	Ghẻ
Đơđik - đg	Ngứa
Đơđik tơđoch - t	Ghẻ nở
Đơđưk đơđak; đơđưk - t	Lúc nhúc
Đơng đak; đak đơng - đg	Cạn nước
Đŏk - d	Cám
Đŏk hơđo - d	Cám bắp
Đŏk nhŭng - d	Cám heo
Đŏng yơ - d	Từ đâu
Đŏng - d	Từ
Đuăn - d	Nón
Đuăn anau - d	Nón mới

Đuăn hiah - d	Nón rách
Đuăn so - d	Nón cũ
Đuh - d	Mủ
Đum - t	Chín
Đum bơih - đg	Chín rồi
Đum klĩ; đum ngui - t	Chín rục
Đum ngui - t	Chín mọng
Đunh - t	Lâu
Đunh bơih;đunh đai - t	Lâu rồi

E e Ê ê

E - d	Mày
Ei tht	Ấy
Enh - d	Nhị
Ĕnh kơiă - đg	Nín đau
Ĕnh kơnhâm - đg	Nín khóc
Ĕnh thĕng - đg	Nín lặng
Ĕnh; ât; thĕng - đg	Nín
Er re - d	Âm nhạc
Er re - d	Giọng
Er re - d	Giọng vang
Er re; gie; re - d	Âm thanh
Et - đg - Bă ĭnh năm et tơdrô, ĭnh ưh kơ et hŏt.	Hút
Et chơt - đg	Ăn mừng
Et hŏt - đg	Hút thuốc
Et jur sa - đg	Cúng xuống kho
Et pŏ băn - đg	Kết nghĩa
Et pŏ băn - d	Lễ kết bạn
Et pơchơt - d	Liên hoan
Et pơgang - đg	Uống thuốc

Et pơnăn - đg	Đặt tên
Et sa tih - d	Hội hè
Et tơdro - đg	Uống rượu
Et ba bănh - đg	Cúng bội thu
Ê	Ê
Ê - đg	Ngờ

G g

Ga ŭnh - d	Ga
Ga tu - d	Phía nam
Gah - d	Đằng
Gah - d	Phía
Gah ala - d	Bên dưới
Gah anăp - d	Bên trước
Gah angiĕo - d	Bên trái
Gah anguaih - d	Bên ngoài
Gah bơbah - d	Hướng bắc
Gah bơbah - d	Phía bắc
Gah bơbah gah tu - d	Bắc nam
Gah hơgah - d	Bề ngoài
Gah hơlĕch - d	Phía đông
Gah kơpal - d	Bên trên
Gah kơpal - d	Phía trên
Gah ma - d	Bên phải
Gah mơ mât - d	Phía tây
Gah mum - d	Bên cạnh
Gah mum - d	Bên góc
Gah rŏng - d	Phía sau

Gah to - d	Bên đó
Gah tu - d	Hướng nam
Gah; pah - d	Bên
Gai - đg	Mời uống rượi cần
Gak - đg	Canh gác
Gao - d	Cỏ kê
Gao - d	Dừa
Gap - đg	Đánh tranh
Gar - đg	Ghen
Gar klo - đg	Ghen chồng
Gat - đg	Gạch
Gat anăn - đg	Gạch tên
Gat gah ala - đg	Gạch dưới
Gat jâng chư - đg	Gạch chân
Găm - d	Màu đen
Găm - d	Mun
Găm - t - Kơ ƀang găm oěi tơlăm	Đen
Găm khôi; găm suit - t	Đen thui
Găm suek - t	Đen sì
Găm suet - t	Đen đủi
Găm suit; suek - t	Đen tối
Găm ƀlik; jơjueng; găm suek - t	Đen kịt
Găn - đg	Băng qua

Găn - đg	Lội
Găn đak - đg	Lội nước
Găn ga; khă; plah găn - đg	Ngăn cản
Găn tơ drong jĭ - đg	Phòng bệnh
Găn; ga - đg	Cản
Găn; pơhia - đg	Đề phòng
Găng - t	Rét
Găng - t	Tê cứng
Găng tơngiĕt - t	Rét lạnh
Găr - d	Hột
Găr gao - d	Hạt kê
Găr hơbo - d	Hạt bắp
Găr hơbo - d	Hạt ngô
Găr mit - d	Hột mít
Găr phe - d	Hạt gạo
Găr ba - d	Hạt lúa
Găr; klong - d	Hạt
Gâng - d	Cây nêu
Gâr wah - d	Cần câu
Gât le - đg	Cai quản
Ge - d	Cái ghè
Ge - d	Gè
Ge gĭt; ge jơ lông - d	Ghè quý

Ge hle - d	Ché mới
Ge hle - d	Gè mới
Ge so - d	Ché cũ
Ge so - d	Gè cổ
Ge sơtôk - d	Ché cổ
Ge tơdrô - d	Ché rượu
Ge tơdrô - d	Ghè rượu
Gěl - d	Lọ
Gep - đg	Gấp
Get - d	Cái lọ
Get chai - d	Chai
Get chai pơchah - đg	Chai vỡ
Get đak - d	Bầu nước
Get đak mức - d	Lọ mực
Get đak pơgang - d	Lọ thuốc
Get pơkau; get chai pơ kau - d	Lọ hoa
Gěi; iăp; kơjăp - t	Bền
Gia - d	Cỏ tranh
Giă nỡr	Cần lời
Gie brŏ - d	Tiếng đài
Gie re - d	Tiếng thanh
Giěng; kŏm - đg	Cữ
Giěng; kŏm - đg	Kiêng

Giĕp; tơgiĕp - d	Tù và
Gil gŭl - t	Lặc lè
Gil gŭl - đg	Lung lay
Giơng - d	Giường
Giơng tep - d	Giường ngủ
Gip gap - t	Tới tấp
Gip gap; ưh kơtam băt - t	Bất ngờ
Gip kơmăng; glĭp - d	Xẩm tối
Gĭp gap - đg	Dồn dập
Gĭt găn - t	Qúy giá
Gĭt - d	Giá trị
Gĭt - t	Qúy
Gĭt - đg	Ưa chuộng
Gĭt amêm - đg	Quý mến
Gĭt găl - p	Rất quy
Gĭt găl; wă - dêh - t	Cần thiết
Gĭt kơ oh - đg	Quý em
Gĭt pŏdrong - d	Quý tộc
Gĭt tơpă - t	Quý giá
Gĭt wa - đg	Quý trọng
Glại - t	Thoáng đãng
Glaih - d	Sét
Glaih chuơh - d	Bãi cát

Glaih taih - đg	Sét đánh
Glaih taih along - đg	Sét đánh cây
Glaih teh bơngai - đg	Sét đánh người
Glaih tơmo - d	Bãi đá
Glang; tơlěi glang - d	Dây xích
Glăi - t	Sai
Glăi bơih - đg	Sai rồi
Glăi răm - t	Hư hại
Glech gloch - đg	Lánh né
Gleh dêh - t	Mệt lắm
Gleh glăn - t	Nhọc nhằn
Gleh glăr - đg	Len lỏi
Gleh hrat - t	Gieo neo
Gleh hrat - t	Vất vả
Gleh lap; lap gleh; geh glăn - t	Mệt mỏi
Glĭp glăp - t	Um tùm
Gloh kơ oh - t	Hơn em
Gloh loi - t	Hơn hẳn
Gloh; hloh; loi - t	Hơn
Glơgleng kơ đon - t	Inh tai
Glơh glơi; hơdrě - t	Xui xẻo
Glơi - đg	Bơi
Glơi - đg	Bơi lội

Glơi đak dơnâu - đg	Bơi hồ
Glơi đak tơxĭ - đg	Bơi biển
Glơi krong - đg	Bơi sông
Glơng - đg	Bưng
Glơng đak - đg	Bưng nước
Glơng kon - đg	Bế con
Glơng oh - đg	Bế em
Glơng por; glơng mơh - đg	Bưng cơm
Glơng sau - đg	Bế cháu
Glơng - tơ mam sa - đg	Bưng đồ ăn
Glŏk - t	Chơi với
Glư đuk - đg	Lắc lư
Gŏ chang rang - d	Chảo
Gŏ bĕi - d	Nồi 7
Gŏch - d	Gạch
Gŏch - d	Ngói
Gŏch pơm hnam - d	Gạch làm nhà
Goh bơih - t	Sạch rồi
Goh; tơgrơng; đĭ bĭau - đg	Hết sạch
Gokơdŭ - d	Lưng còng
Gokơdŭ - d	Lưng gù
Gom - d	Bao phủ
Gom ami - đg	Che mưa

Gom kial - đg	Che gió
Gom klâp - đg	Che đậy
Gom to - đg	Che nắng
Gom; yâl - đg	Che
Gop - đg	Góp
Gop ăn - đg	Góp cho
Gop hơkum - đg	Tài trợ
Gŏ - d	Nồi
Gŏ - d	Xoong
Gŏ hlôh - d	Xoong thủng
Gŏ lân - d	Nồi đất
Gŏ ngân - d	Xoong nhôm
Gŏ ƀung - d	Nồi bung
Gŏ ƀŭng - d	Nồi 10
Gŏp - d	Khuyên tai
Go - đg	Đợi
Gô amŏi - đg	Chờ đã
Gô bôl - đg	Đợi bạn
Gô gre - đg	Chờ xe
Gô gre; găn - đg	Đón xe
Gô hăp - đg	Đợi nó
Gô ĩnh - đg	Đợi tôi
Gô ỉnh - đg	Chờ tôi

Gô lăng; pohiă; chă lễ - đg	Dự bị
Gô mâng năng - đg	Yên trí
Gô mâng kơgâp - đg	Ỷ lại
Gô oh - đg	Chờ em
Gô oh - đg	Đợi em
Gôh; bre - đ	Màu đỏ
Gông - d	Bẫy sập
Gôp - d	Lấp hòm
Gơ rơgěi - d	Tài năng
Gở hơbo - đg	Bẻ bắp
Gở jâng - đg	Bẻ chân
Gở kơtau - đg	Bẻ mía
Gơ ti - đg	Bẻ tay
Gơamêm - d	Nhân đạo
Gơbăt - d	Nhân cách
Gơgu - đg	Lay
Gơgŭ along - đg	Rung cây
Gơgưp gơgap - t	Xum xê
Gơh - t	Được
Gơh alâng - t	Tế nhị
Gơh alâng; phep - d	Lịch sự
Gơh băt - đg	Đền ơn
Gơh chhơ - đg	Biết vẽ

Gơh chhở - d	Mỹ - thuật
Gơh chih - đg	Biết viết
Gơh hloh - d	Thủ khoa
Gơh hơri - d	Nghệ nhân
Gơh jang - đg	Được làm
Gơh mơnat - d	Độ lượng
Gơh mơnat; băt mơ nat	Biết thương
Gơh pơma - đg	Được nói
Gơh pơma - đg	Nói được
Gơh rơgěi - d	Trí thức
Gơih jên - đg	Gửi tiền
Gơih tơmam - đg	Gửi quà
Gơih; hơtă - đg	Gửi
Gơlang; khờng; khôi - đg	Cháy
Gơlăr - d	Cây sậy
Gơling tơnăr - đg	Nghiêng cánh
Gơlon - đg	Trợn mắt
Gơlŏng get chai - đg	Súc chai
Gơlŏng ƀâr; kơxu bâr - đg	Súc miệng
Gơlŏng; kơlŏng - đg	Súc
Gơlŏp - đg	Lấp đi
Gơlŭng; kơtul; măng mu - t	Mù mịt
Gơlŭng; kơlŭng - t	Um

Gơnam - d	Thù địch
Gơnam dih băl - d	Thù nhau
Gơnăl - đg	Nhận ra
Gơnăp - d	Cái cạp
Gơnăp - d	Cạp
Gơnăp axêng - d	Cạp nong
Gơnăp đuăn - d	Cạp nón
Gơnăp kơ đum - d	Vành nia
Gơnăp kơđum - d	Cạp nia
Gơng - d	Cầu
Gơning - đg	Tựa
Gơning rơng - đg	Tựa lưng
Gơnuang - d	Cái vành
Gơnuang gre - d	Vành xe
Gơp - d	Hang
Gơp trôm kông; trôm kông - d	Hang động
Gơr hơkăn - đg	Ghen vợ
Gơvŏk ao - d	Móc áo
Gơvŏk; tơbăk - d	Móc
Gỡ along - đg	Bẻ cây
Gỡ tơgỡ - đg	Bẻ gãy
Gỡ; duh - đg	Phạt vạ
Gỡ; hleh - đg	Bẻ

Gŏr along khir - d	Cán cào
Gŏr along kŏng - d	Cán cân
Gŏr anhik - d	Cán cuốc
Gŏr mut - d	Cán búa
Gŏr rơ; gŏr tơgăk - d	Cán rựa
Gŏr săng - d	Cán dao
Gŏr săng kô - d	Cán liềm
Gŏr bêng - d	Cán xẻng
Gram kon - đg	Giữ con
Gram sâu - đg	Giữ cháu
Grang - d	Rổ
Grâm - d	Sấm
Grâm glaih - d	Sấm sét
Grâm kơmlat - d	Sấm chớp
Gre - d	Ô tô
Gre - d	Xe
Gre axeh - d	Xe ngựa
Gre blŏ - đg	Lật xe
Gre bơbĭt - d	Xe máy
Gre brai - đg	Xe chỉ
Gre brai - đg	Xe sợi
Gre choh - d	Máy cày
Gre chưk - d	Xe ủi
Gre grŏl; gre tơgrŏl - d	Xe lăn

Gre juă - d	Xe cán
Gre par - d	Phi cơ
Gre păr - d	Máy bay
Gre pĭt ŭnh - d	Xe cứu hoả
Gre rơmo - d	Xe bò
Grĕng - d	Nanh
Grĕng chơgơu - d	Nanh gấu
Grĕng nhŭng - d	Nanh heo
Grĕnh - đg	Gào
Grĕnh - đg	Gầm gừ
Grĕnh - đg - Kon kŏ sư gĕnh ĭnh lih dêh.	Gầm
Grĕng - d	Răng nanh
Grĕng sơke - d	Nanh heo rừng
Grê - t	Nghiêng
Grê - đg	Xiêu
Groi kông - d	Đồi núi
Groi; pơ kôl - d	Đồi
Grŏl along - đg	Lăn cây
Grŏl jâng gre - đg	Lăn bánh xe
Grŏl tơmo - đg	Lăn đá
Grŏl; tơgrŏl - đg	Lăn
Grôi - d	Bờm
Grôi - d - Kă đĕi grôi.	Vây

Grôi axeh - d	Bờm ngựa
Grôi ka - d	Vây cá
Grông - d	Cái càng
Grông areng - d	Càng cua
Grông hơdang - d	Càng tôm
Grơ gring - d	Ầm ầm
Gru hơnar - d	Xe tăng
Gruih - p	Phất
Grŭp pơhrăm - đg	Nhóm học tập
Grŭp - đg - Đe sư Grŭp hŏp khan lơ tơdrong.	Nhóm
Grŭp hŏp - đg	Nhóm họp
Gueu; jơjueng; kơnăm; măng mu - t	Tối tăm
Guêng - d	Vòng kiềng
Gŭm ba; chĕp kâl - đg	Đỡ đần
Gur - d	Đất mầu
Gŭt hră - đg	Lên dây ná
Gŭi - d	Trái gùi
Gŭm gop - đg	Đóng góp
Gŭm; tơgŭm - đg	Giúp
Gŭt - đg	Vịn
Gŭt along - đg	Vịn cây

H h

Ha - đg	Há
Ha bờr - đg	Há miệng
Hach - đg	Tan
Hach; rơnok - đg	Tàn
Hach; tơxa - đg	Xói mòn
Hah; hă - t	Hả
Hai - đg	Banh ra
Hai - đg	Dang ra
Hal - đg	Náo nức
Han - t	Sắc
Han - t - Săng ŏu han dêh	Bén
Hang - t	Rát
Hang lơng - d	Hè
Hang lơng - d	Vỉa hè
Hang măt - t	Rát mặt
Hang nuih - t	Buồn lòng
Hang nuih - t	Cay cú
Hang nuih - t	Chua cay
Hang nuih - đg	Giày vò
Hao - đg	Cười
Hao along - đg	Leo cây

Hao along - đg	Trèo cây
Hao axeh - đg	Cưỡi ngựa
Hao gre - đg	Đi xe
Hao kông - đg	Trèo núi
Hao kơ pô - đg	Cưỡi trâu
Hao kung - đg	Leo thang
Hao rôih - đg	Cưỡi voi
Hao rơmo - đg	Cưỡi bò
Hao; poch - đg	Trèo
Hao; poch; pơ pan - đg	Leo
Har - t	Hăng
Har hât - t	Hăng thuốc
Hăl dêh	Chán quá
Hăl; klai - t	Chán
Hăm ataih	Bao xa
Hăt găl - t	Nghiêm trọng
Hăt hot; hơloh - t	Hấp tấp
Hăt jang - t	Bận việc
Hăt yak - t	Vội đi
Hăt; hơloh; tơluh; hăt hot - t	Vội vàng
Hâk kơdâk - t	Hào hứng
Hâr - t	Háo hức
He ŏu	Đây này

Hek - đg	Xé
Hek ao - đg	Xé áo
Hek hěch - đg	Xé nát
Hek hla ar - đg	Xé vở
Hek hok	Dày xéo
Hěch - t	Nát
Hěch hoch - t	Nát vụn
Hěi - d	Hồi nãy
Hěi - đ	Nãy giờ
Hěn klak - đg	Bóp bụng
Hê hê - t	Hề hề
Hiah - t	Tả tơi
Hiah hiok - t	Rách rưới
Hiah; tơhek - t	Rách
Hiam - d	Cây men rượu
Hiang - d	Bệnh lao
Hiang - d	Lao
Hiao hiao - t	Lạo xạo
Hiap - đg	Rủa
Hiap athěi lôch - đg	Rủa chết
Hiăng; hơběch - t	Nhanh nhẹn
Hiâk - đg	Lo
Hĭch ưh	Lạ không

Hiět jâng - đg	Đứt chân
Hiět ti - đg	Đứt tay
Hiěk - đg	Cười
Hiěk abêk - đg	Hay cười
Hiěk chơt - đg	Cười vui
Hiěk hê hê - đg	Cười hề hề
Hiěk yôp; yôp - đg	Mỉm cười
Hiěm ame - đg	Nuôi nấng
Hiěm nhŭng - đg	Cho heo ăn
Hiěn - đg	Ho
Hiěn hiang - d	Ho lao
Hiět - đg	Bị đứt
Hih hih - t	Khúc khích
Hil hơreh - đg	Căm thù
Hil kon - đg	Mắng con
Hil; hơdrăi; lach - đg	La
Hil; lach - đg	Mắng
Hiom hiom - p	Hơi lành lặn
Hiom tơngiět; hiom - đg	Ớn lạnh
Hiong - đg	Mất
Hiong bơih - tr	Đã mấtr
Hiong jên - đg	Mất tiền
Hiong tơmŭk tơmam - đg	Mất đồ đạc

Hiot - đg - Nhôn ngôi hiot tơlěi	Kéo
Hiot grang - đg	Kéo lưỡi
Hiot iŏk - đg	Kéo lấy
Hiot jal - đg	Kéo chài
Hiot tơ lěi - đg	Kéo co
Hiŏng - đg	Nhấc
Hiŏng along - đg	Nhấc cây
Hiŏng tơmo - đg	Nhấc đá
Hiŏu	Phóng qua
Hiôk - t	Dễ tính
Hiôk - t	Hay
Hiôk - t	Sướng
Hiôk ană - t	Vui sướng
Hiôk chơt - t	Sung sướng
Hiôk chơt tơ pă - p	Rất sung sướng
Hiôk dêh - t	Hay quá
Hiôk dêh - t	Sướng quá
Hiôk jơnap; jơnap - t	Sung túc
Hiôk rơnuk	Êm ấm
Hiơt anăn - đg	Quên tên
Hiơt bơih - đg	Quên rồi
Hiơt đĩ đunh - đg	Quên lâu
Hiơt hiong - đg	Quên lãng

Hiơt kơdih - đg	Quên mình
Hiơt tơ hnam - đg	Quên nhà
Hiơt; pok - đg	Quên
Hiở - t	Chậm
Hiở - t	Chậm trễ
Hiở - đg	Mải
Hiở - dêh	Chậm quá
Hiở hyỉn - đg	Mải miết
Hiởk - đg	Lo lắng
Hip - d	Cái rương
Hip tơmam - d	Hòm đồ
Hium - đg	Gom
Hium akŏm - đg	Gom lại
Hium anhiĕt - đg	Gom cỏ
Hiup - d	Hen
Hiup hơjâm - đg	Thổi bễ
Hiup; hlôm; thu - đg	Thổi
Hỉa - đg	Dự trữ
Hla - d	Lá
Hla ar anăn - d	Chứng minh thư
Hla ar ăn bơngai lôch - đg	Khai tử
Hla ar chih măt - d	Danh sách
Hla ar chih tơbăt - d	Báo

Hla ar hơkă - d	Giấy nhám
Hla ar lĭch - d	Lịch
Hla ar pơ tơm - d	Giấy mời
Hla ar pơcheh hơri - d	Bản nhạc
Hla ar pơkă - d	Hiệp ước
Hla ar rơneh - đg	Khai sinh
Hla ar tơbăt - d	Tờ báo
Hla ar tơđôh măt pơgang - d	Đơn thuốc
Hla bơar - d	Quyển sách
Hla bơar - d - Mai axong ĭnh jên răt hla bơar.	Sách
Hla bơar; hla ar - d	Quyển vở
Hla bơlŏu - d	Lá trầu
Hla chrah - d	Lá cọ
Hla du - d	Cái ô
Hla du - d	Ô
Hla đon - d	Vành tai
Hla ĕch - d	Lá é
Hla hơlŭng; hla ruh	Lá rụng
Hla hơtăng	Lá mỏng
Hla hrum; hla tre - d	Rau rền
Hla jri - d	Lá đa
Hla ka - d	Rau má

Hla kơ - d	Cờ
Hla kơ - d	Quốc kỳ
Hla kơ gôh - d	Cờ đỏ
Hla kơnuăn - d	Rau muống
Hla kơtao - d	Lá mía
Hla kram - d	Lá tre
Hla long arih - d	Phân xanh
Hla lŭng hŭng - d	Rau húng
Hla sơbĕi - d	Lá cải
Hla ba - d	Lá lúa
Hlach - đg	Xén
Hlach ba - đg	Xén lúa
Hlak hla ar - d	Trang vở
Hlak; blah - d	Tờ
Hlak; kơdrot - d	Ong ruồi
Hlar ar - d	Giấy
Hlăng - t	Trong
Hlăng hlŏ - t	Trong veo
Hlăng hlơr - t	Trong trẻo
Hlăng hơdah - t	Trong sáng
Hlăng kok - t	Trong trắng
Hlăng rơdah - t	Trong suốt
Hlăng biao; hlơ hlŏng - t	Trong vắt

Hleh anhiêt - đg	Bứt cỏ
Hleh ao - đg	Bứt áo
Hleh hla - đg	Hái lá
Hleh hla - đg	Ngắt lá
Hleh hla kơtau - đg	Bẻ lá mía
Hleh sŏk - đg	Bứt tóc
Hler - đg	Ngắt
Hler tơngiĕt; hơngiĕu - t	Lạnh ngắt
Hlêp hlap - đg	Vương vãi
Hli atŏu - đg	Sợ ma
Hli jĭ - đg	Sợ đau
Hli krê; krê - t	Sợ hãi
Hli lôch - đg	Sợ chết
Hli - tơrơ - t	Hoang mang
Hli tơrơ; kơmăp; tăr wăr - đg	Khiếp sợ
Hli yom - đg	Kính trọng
Hli; krê - đg	Sợ
Hlĭch chrơp - t	Kì lạ
Hling - đg	Đãi
Hling - đg	Đúc
Hling axong; hling song - đg	Rót cho
Hling chêng - đg	Đúc chiêng
Hling chuơh - đg	Đãi cát

Hling đak - đg	Rót nước
Hling gŏ - đg	Đúc xoong
Hling phe - đg	Đãi gạo
Hling tơdrô - đg	Rót rượu
Hling; jôr - đg	Rót
Hlĭch hlăch; chrih - t	Lạ lùng
Hlĭch - tơpă	Lạ thật
Hloh bơih - đg	Qua rồi
Hloh kơ ĭnh - t	Hơn tôi
Hloh; hlom; ploi - đg	Qua
Hloh; hlôi - đg	Vượt
Hloi - t	Ngay
Hlom; mŏt - đg	Vào
Hlôh - d	Lũng
Hlôh băt; hlôk wao - đg	Hiểu biết
Hlôh jrŭ - t	Sâu sắc
Hlôh wau - đg	Thông suốt
Hlôh; wao - đg	Hiểu
Hlôl hlal - t	Nhấp nhô
Hlôm alal - đg	Thổi sáo
Hlôm keng - đg	Thổi kèn
Hlôm ŭng; - thu ŭnh - đg	Thổi lửa
Hlơ hlĕng - t	Chang chang

Hlơ hlŏng - t	Long lanh
Hlơ hlŭ - t	Mơn mởn
Hlơp - t	Kín
Hlơp hlĕp; hrĕp hlơp - t	Kín đáo
Hlơp; kơjăp; bĭng - đg	Khuất
Hlŏk - t - Oh tep hlŏk - tơpă.	Say
Hlŏm; lŏm - đg	Thấm thía
Hlŭng jơma - d	Dạ dầy nhím
Hlŭng ka - d	Dạ cá
Hlŭt - d	Lầy
Hlŭt - đg	Lún
Hlŭt trôk - t	Lầy bùn
Hlŭt trôk - đg	Lún bùn
Hlŭt; dŭk dun - t	Lầy lội
Hlŭng - d	Bao tử
Hlŭng - d	Dạ dầy
Hmach - đg	Luyến tiếc
Hmach - đg	Tạm biệt
Hmach dêh; amêm dêh - đg	Tiếc quá
Hmach; amêm; amlaih - đg	Tiếc
Hmach; ơh - đg	Nuối tiếc
Hmach; pơamêm - đg	Uổng
Hmar - d	Cái đăng

Hmar - d	Màng
Hmar đon - d	Màng nhĩ
Hmă - t	Thường
Hmă dêch - t	Thường thôi
Hmăi - t	Đáng
Hmăi tam mă - t	Đáng chưa
Hmiơh hmiah - t	Lởm chởm
Hmoi - đg	Khóc
Hmoi bơngai lôch - đg	Khóc người chết
Hmok along - d	Vỏ cây
Hmŏng hmŏng - t	Lấp loáng
Hmôch kăp - đg	Kiến cắn
Hmôch - trit - d	Kiến vàng
Hmôch; kơtu - d	Kiến
Hmơt - đg	Quen thói
Hnam - d	Cái nhà
Hnam - d - Mai pơm hnam hăm să ưh?	Nhà
Hnam chă pơyâng - d	Nhà xí
Hnam dơnŏ đĕi jơnĕi - d	Gia đình có công
Hnam dơnŏ hiong răm - d	Gia đình liệt sĩ
Hnam gia - d	Nhà tranh
Hnam gŏ - d	Nhà bếp

Hnam gŏch - d	Nhà ngói
Hnam grê - d	Nhà nghiêng
Hnam hle - d	Nhà mới
Hnam hnăt - d	Nhà dột
Hnam kem - d	Nhà tôn
Hnam kho - d	Nhà kho
Hnam kơdih - d	Căn hộ
Hnam kơjung - d	Cao tầng
Hnam kơjung dêh - d	Cao ốc
Hnam kơpal ti; hnam kơjung - d	Nhà sàn
Hnam man xi măng - d	Nhà xây
Hnam phak - d	Nhà giam
Hnam phak - d	Nhà lao
Hnam phak - d	Nhà tù
Hnam phăk - d	Trại giam
Hnam pơgang - d	Bệnh viện
Hnam pơgang - d	Trạm y tế
Hnam pơxat - d	Mồ mả
Hnam pơxat; pơxat - d	Nhà mả
Hnam rông - d	Nhà rông
Hnam sa - d	Nhà ăn
Hnam să kơjung - d	Biệt thự
Hnam the - d	Nhà trệt

Hnam tep kơjung - d	Khách sạn
Hnam tơ nŏ - d	Nhà cửa
Hnam tơm - d	Nhà chính
Hnam tŏng; hnam tăl - d	Nhà tầng
Hnam trưng - d	Nhà trường
Hnam wĕi vê tơmam gĭt - d	Bảo tàng
Hnăt - t	Dột
Hngăm - p	Năng
Hnger tep - d	Giấc ngủ
Hnhoi - đg	Nhìn theo
Hnhơ hnhum - đg	Xúm xít
Hnŏng tơdra - d	Khuôn thước
Hnơk hnăk - t	Ngổn ngang
Hnơr - d	Lứa
Hoai; khĭ - t	An
Hoch - đg	Trôi
Hoh - t	Không có gì
Hŏk hơ bu lăm to - d	Triết học duy tâm
Hŏk hơ len - d	Triết học
Hŏk kơjung - d	Cao học
Hŏk kơtul	Học dốt
Hŏk rơgĕi	Học giỏi
Hŏk; pơhrăm - đg	Học

Hon kơjung - đg	Mọc dài
Hong - t	Sứt
Hor gre - đg	Kéo xe
Hŏk pơhrăm - đg	Học hành
Hŏk pơjuăt - đg	Học tập
Hŏk tro - d	Học sinh
Hŏng hla - đg	Héo lá
Hŏnh; jô - đg	Héo
Hôn - đg	Khen ngợi
Hôn rơgĕi - đg	Khen giỏi
Hơ angap - đg	Ngáp
Hơ anhĕu - đg	Nhăn nhó
Hơ anhĕo; hŏnh - t	Nhăn nheo
Hơ anhŭm - t	Nhăn nhúm
Hơ anŏk - đg	Bị sặc
Hơ anŏr praih - đg	Thức tỉnh
Hơ bech - t	Lanh lẹ; ph
Hơ bĕch - đg	Diễn cảm
Hơ bôn - t	Mềm nhũn
Hơ bŏ; long - đg	Mò
Hơ chăng - đg	Buông
Hơ chăng kơ - dâu - đg	Bỏ trốn
Hơ chŏ gia - đg	Bó tranh

Hơ drăi - đg	Gào thét
Hơ drăi	La to
Hơ drĕng - đg	Rang
Hơ drĕng hơ ƀo - đg	Rang bắp
Hơ drĕng ƀoh - đg	Rang muối
Hơ drông - d	Sâu bọ
Hơ đah - đg	Toả sáng
Hơ đâng jơh ngâm; sơn; chơn; ưh kơ hăt - t	Bình tĩnh
Hơ drŭng iĕr - d	Lồng gà
Hơ đuh	Giựt
Hơ gơn	Áp
Hơ gŏp; sơ gŏp - đg	Động
Hơ hŭp - t	Ngon lành
Hơ ioh - d	Nhi đồng
Hơ iơch - t	Nhẹ
Hơ jŏm 'nhik - đg	Rèn cuốc
Hơ jŏm rơ; hơ jŏm tơgăk - đg	Rèn rựa
Hơ jŏm săng; hơjâm săng -đg	Rèn dao
Hơ jŏm sung - đg	Rèn rìu
Hơ jŏm; hơjâm - đg	Rèn
Hơ kơl; along kơn; hơ gơn -đg	Cái gối
Hơ lĕnh - t	Bố láo

Hơ lĕnh hơ leo - t	Bố lếu bố láo
Hơ lĕnh; pơdăr - đg	Dối - trá
Hơ liĕng - d	Lõi
Hơ mơt - t	Nguy hiểm
Hơ ngơi; hưch - đg	Mê
Hơ ngŏt - đg	Ngất
Hơ 'nŏk - đg	Sặc
Hơ 'nŏk đak - đg	Sặc nước
Hơ păh pơ nê - đg	Khen thưởng
Hơ pong - đg	Thăm viếng
Hơ pong lôch - d	Tang lễ
Hơ pôih - đg	Bào
Hơ pôih along - đg	Bào gỗ
Hơ pơi - đg	Ao ước
Hơ rao phe - đg	Vo gạo
Hơ tŏk - đg	Biểu dương
Hơ tŏk ăn - đg	Đề cao
Hơ tŭk kơting - đg	Hầm xương
Hơ yŭn jâng - đg	Nhún chân
Hơ ƀo - d	Bắp ngô
Hŏ anhŭ - t	Cay chua
Hŏ - dêh	Cay thật
Hơanăk; kơchăng	Cảnh giác

Hơanher - đg	Lim dim
Hơanher hơnher - t	Nhấp nháy
Hơanơr đơng tep - đg	Thức giấc
Hơayuih - t	Ướt
Hơâm hơăm; pă hlot	Ế ẩm
Hơbal - t	Thoăn thoắt
Hơbal hơběch - t	Lanh lợi
Hơbang - d	Băng ca
Hơbăn - d	Cái váy
Hơbăn găm - d	Cái váy đen
Hơbăn pơkao - d	Cái váy hoa
Hơbăng - t	Thính
Hơbăng đon - t	Thính tai
Hơbâu; pơxŏu; abŏu - d	Ốc
Hơben tai; abĕn tai - d	Quần dài
Hơben top - d	Quần bò
Hơben trong - d	Quần kẻ sọc
Hơbĕn adaih - d	Cái quần dài
Hơbĕn; sôm - d	Cái quần
Hơbĭ; tơdrăng - t	Chung
Hơbloch sŏk - đg	Vuốt tóc
Hơbloch; dơbŭng - đg	Vuốt ve
Hơbŏ - d	Dáng đệu

Hơbong - d	Hào, rãnh
Hơbong đak; thong đak - d	Mương nước
Hơbong; thong - d	Mương
Hơbŏ	Trông có vẻ
Hơbŏu; abŏu - d	Con ốc
Hơbôn hơbŏ	Êm ả
Hơbôn; rơmơt; sơ bôn	Êm
Hơbông	Cây lũ cuốn
Hơbông - d	Lũ
Hơbŏ hơreng - đg	Mò cua
Hơbŭt chuơh - d	Bão cát
Hơbŭng - t - Hnam mai răt brai hơbŭng tơyơ?	Đen
Hơch hơch - t	Lâng lâng
Hơch nâr - đg	Lỡ lời
Hơchăng; achăng; lễ; mok; tŭk - đg	Bỏ
Hơchĕm - t	Lưu loát
Hơchĕm	Dễ gãy
Hơchĕm - t	Giòn
Hơchŏ ba iĕ - đg	Lượm lúa
Hơdah - t - Kơleng anhŏng hơdah alŏng tơpă.	Sáng

Hơdah alŏng; rơđah	Sáng sủa
Hơdah ƀrêng; khŏng hơdah; ƀrŭng ƀăng - t	Sáng trưng
Hơdai - d	Cùng
Hơdai - đg	Hợp
Hơdai ameh; tơlăp băl - đg	Thoả thuận
Hơdai hơdai - t	Nhịp nhàng
Hơdai iung - đg	Đồng khởi
Hơdai plĕi nâr - t	Đồng nghĩa
Hơdang đak dơxĭ - d	Con tôm biển
Hơdang; sơdang - d	Con tôm
Hơdar - đg	Lò dò
Hơdĕ - đg	Tránh né
Hơdĕ tơnai; weh tơ nai - đg	Tránh chỗ khác
Hơdong - d	Bẹ
Hơdong - d	Cọng
Hơdôm đak dơxĭ - d	Viễn dương
Hơdŏr - đg	Nhớ lại
Hơdŏr - t	Tỉnh lại
Hơdra - d	Giàn bếp
Hơdrai - d	Nhánh
Hơdral; chăl - d	Phần
Hơdral; tơring - d	Khu vực

Hơdrap - đg	Cảm
Hơdrap - đg	Sổ mũi
Hơdrap chĕp - đg	Cảm lạnh
Hơdrap tŏ - đg	Cảm nắng
Hơdră kơjăp - d	Thông điệp
Hơdrâng - d	Cọc
Hơdrĕch ayoi; lăm teh đak - d	Quốc tịch
Hơdrĕch kơ nĕ	Giống xấu
Hơdrĕch tŏxĕt - d	Dân tộc thiểu số
Hơdrĕch ŭnh hnam - d	Phả hệ
Hơdrĕi - d	Chày
Hơdrĕi peh ba - d	Chày giã gạo
Hơdrĕ - t	Không may
Hơdrĕch hơdrung; adrĕch - d	Giống nòi
Hơdring - d	Cái xiên
Hơdro - d	Con ve
Hơdro - t	Góa bụa
Hơdro axi - d	Con ve sầu
Hơdro axi - d	Ve sầu
Hơdro; adro - t	Goá
Hơdrŏ; sơangol - đg	Chịu - tang
Hơdrol; hơlŏu; adrol - d	Trước

Hơdrom - đg	Chất
Hơdrom along ŭnh - đg	Chất củi
Hơdrom rơmo - d	Chuồng bò
Hơdrom; war - d	Chuồng
Hơdrŏ - d	Lúa ngắn ngày
Hơdrỗ; adrỗ - t	Đơn độc
Hơdrôi - đg	Xuôi
Hơdrông - d	Con sâu
Hơdrŏm; hơdrâm - d	Bến nước
Hơdrŏng - d	Trụ
Hơdrŏng along - d	Trụ cây
Hơdruch - t	Út
Hơdruh - d	Cái đĩa
Hơdrum along - d	Vòm cây
Hơdrŭng iĕr - d	Ổ gà
Hơdrŭng kơne - d	Ổ chuột
Hơdrŭng nhŭng - d	Ổ lợn
Hơdrŭng sem - d	Ổ chim
Hơdrŭng; hơdrang - d	Lồng
Hơdŭ - đg	Đệm
Hơđa - đg	Gang
Hơđah - đg	Giật
Hơđah; bang - d	Màu

Hơđang the - đg	Nứt đất
Hơđang tơr - đg	Nứt gỗ
Hơđang; sơđah - đg	Nứt
Hơđâng - t	Yên
Hơđâng đon - t	Yên tâm
Hơđơr; hơ anhơr - t	Lờ đờ
Hơđơng - đg	Dựa vào
Hơđơng; pă tơtăm; rơheng rơhơi - t	Yên tĩnh
Hơga - d	Đá sỏi
Hơga - d	Sỏi
Hơga kok - d	Sỏi trắng
Hơgăt - đg	Khoán
Hơgăt - d	Thước tay
Hơgěi; rơgěi; juen - t	Giỏi
Hơgop - đg	Gấp
Hơgop - đg	Gấp đôi
Hơgop - đg	Gộp
Hơgơn - d	Gối
Hơgơn che - d	Gối lụa
Hơgơn khăn - d	Gối khăn
Hơgơn tang do - đg	Kê ghế
Hơgơn ti - d	Gối tay

Hơgơn; sơl - đg	Kê
Hơgăm kơ wa k̆	Nếu muốn
Hơgăm; jơh; tơdah k	Nếu
Hơgăr dôn hơgơr krao đe brŏk.	Trống
Hơgăr iĕ - d	Trống ếch
Hơhiă pơngot; pơngot klak -đg	Đói bụng
Hơhôch - đg	Huýt sáo
Hơhơch - đg	Quen mùi
Hơhơk - t	Vun vút
Hơhrah - đg	Phản bội
Hơhrah - t	Vô dụng
Hơhrah; mơmil - đg	Bực bội
Hơhul - đg	Cáu gắt
Hơhŭt - d	Cơn bão
Hơi - d	Bạch
Hơi hŏ; rơnang - t	Thảnh thơi
Hơiă - t	Xinh
Hơiă - t	Xinh đẹp
Hơioh - d	Con nít
Hơioh - d	Trẻ em
Hơiơch hơ iŏ; phiol hơ iơch -t	Nhẹ nhõm
Hơiơch ti - t	Nhẹ tay

Hơiơch; su - đg	Đẻ
Hơjuh - d	Hương
Hơk hơk - t	Hiu hiu
Hơkă -	Nhám
Hơkă - t	Ráp
Hơkăn - d	Vợ
Hơkăn - d - Ĩnh rong ƀar tŏ iĕr hơkăn.	Mái
Hơkăn pơtao - d	Hoàng hậu
Hơkăn pơtao - d	Mẫu hậu
Hơkăt; jak iĕ - d	Gùi nhỏ
Hơkât jâng - đg	Ăn hỏi
Hơkĕ - t	Gầy ốm
Hơkĕ - t	Ốm
Hơkip dêh - t	Chát quá
Hơkip; ƀăl - t	Chát
Hơko; iĕr - d	Cổ gà
Hơkok - d	Chiếu
Hơkok brông; sơkok prông - d	Chiếu hoa
Hơkok đĕi trong - d	Chiếu kẻ sọc
Hơkok hmă - d	Chiếu thường
Hơkŏp - đg	Cộng
Hơkrâp hơkrăp; krưp dêh -đg	Hỗn độn

Hơkum hơdai; pôm jơhngâm -đg	Đoàn kết
Hơkŭm - đg	Đàn đúm
Hơkŭm; akŏm - đg	Đoàn tụ
Hơkŭm; hôp - đg	Họp
Hơkŭng hong - d	Sứt môi
Hơla kơ the - d	Dưới đất
Hơla; kơrôm; lăm sŭng - đg	Ở dưới
Hơlai - t	Lẻ
Hơlai - t	Mượt
Hơlang gao - đg	Quá cảnh
Hơlă - d	Giáo mác
Hơlăng - t	Hào hiệp
Hơle - d	Hoa tai
Hơleh hla - t	Xỏ lá
Hơlen - t	Chi li
Hơlen - t	Tỉ mỉ
Hơlen; tơnen; pơnhen	Kỹ càng
Hơlĕnh hơleo - t	Láo toét
Hơlĕch; gah hơlĕch - d	Hướng đông
Hơlĕh - t	Trầy
Hơlĕnh - t	Gian dối
Hơlĕnh - t	Láo
Hơlĕnh - đg	Phỉnh

Hơlěnh rơgěi - t	Đa mưu
Hơlêm hơlam - t	Lai láng
Hơlêm hơlam; hơlam; djrông djrang - đg	Lênh láng
Hơli ao - đg	Sờ áo
Hơli dêh - đg	Ghê sợ
Hơli hơdrôp - đg	Ghê rợn
Hơli sŏk - đg	Xoa tóc
Hơli; hơbloch - đg	Xoa
Hơliang - đg	Nhảy qua
Hơliang; kơđang - đg	Bước qua
Hơlih - đg	Sạt lở
Hơlom - d	Nguyên vẹn
Hơlom; liěng - t	Chắc hạt
Hơlŏng; dang hơlŏng - d	Họng
Hơlôk - d	Đống đất
Hơlơp - t	Tái nhợt
Hơlŏ - đg	Đảo
Hơlŏ mơh; hơlŏ por; sŏ mơh; sŏ por - đg	Xới cơm
Hơlŏ ba - đg	Xới lúa
Hơlŏ; sŏ - đg	Xới
Hơlŭk - đg	Để úp

Hơlũng; gơgũ; ruh; tơphě - đg	Rụng
Hơmă hnam - d	Nền nhà
Hơmăn; amăn; mong - d	Để - dành
Hơmăt - đg	Trang bị
Hơmâl păr - đg	Mây bay
Hơmâl ƀrê - d	Mây hồng
Hơmet - đg	Chỉnh sửa
Hơmet - đg	Chữa
Hơmet - đg	Điều chỉnh
Hơmet - đg	Sắp xếp
Hơmet - đg	Sửa
Hơmet - đg	Sửa chữa
Hơmet akŏu - đg	Chỉnh hình
Hơmet gre - đg	Sửa xe
Hơmet ming	Cải chính
Hơmet ming - đg	Sửa chữa lại
Hơmet ŭnh - đg	Chữa cháy
Hơmet; chũ - đg	Chấm
Hơmet; hơmet hơ mot - đg	Dọn dẹp
Hơmŏ - t	Có thể
Hơmơng - d	Giun
Hơmơng - d	Sán
Hơmơng huăr - d	Giun đũa

Hơmơng prai mit - d	Sán sơ mit
Hơmŏl găm - d	Mây đen
Hơmŏl kok; hơmâl kok - d	Mây trắng
Hơmŏl; hơmâl - d	Mây
Hơmrah; hơi hŏ - t	Dễ dãi
Hơmrăi; jrĕo - đg	Hô
Hơmrăi; tơkĕch - đg	La hét
Hơmren jo - t	Tê liệt
Hơmren; kơjon - t	Tê
Hơmrĕ; amrĕ - d	Ớt
Hơmt - t	Gay
Hơmŭl - t	Chẵn
Hơnat hơnot - t	Gian nan
Hơnă - d	Nền móng
Hơnă cham - d	Nền sân
Hơnăn - đg	Trúng cử
Hơneh - d	Cầu treo
Hơng lŭng - d	Buồng
Hơng lŭng prit - d	Buồng chuối
Hơngah; sơngah - đg	Từ chối
Hơnganh - đg	Sửng sốt
Hơngap - t	Thiếu
Hơngap đak - t	Thiếu nước

Hơngap jên - t	Thiếu tiền
Hơngiěng - d	Vai
Hơngiěng; sơ ngiěng - d	Bả vai
Hơnglar; angơ angap - đg	Ngái ngủ
Hơnglŏu - d	Ngón
Hơnglŏu jâng - d	Ngón chân
Hơnglŏu ti - d	Ngón tay
Hơngon bon	Buồn phiền
Hơnhă; pam - d	Cái vó
Hơnhir hơnhăr - t	Nhễ nhại
Hơnhŏ; pân - đg	Dám
Hơnhơl hơch hơch - t	Nhẹ lâng lâng
Hơnhuăl - d	Lưới
Hơnih - d	Vị trí
Hơnih bơ tho - d	Sở Giáo dục đào tạo
Hơnih chă tơdrong - d	Sở Khoa học Công nghệ
Hơnih jang - d	Địa bàn
Hơnih jang sa - d	Nông trường
Hơnih tơ nơm jang mir ba - d	Sở Nông ngiệp
Hơnih tơm jang jên lâm char - d	Sở tài chính
Hơnih tơm; anih tơm - d	Thủ đô
Hơnih tơnơm - d	Căn cứ cách mạng

Hơnih tơoěi - d	Quê quán
Hơnĭh bở jang - d	Công xưởng
Hơnĭh jang - d	Cơ quan
Hơnĭh nơr pơma - d	Cơ quan ngôn luận
Hơnĭl - d	Nguyên
Hơnong - d	Rơm
Hơnong ba kro - d	Rơm khô
Hơnŏr; hơanŏr; kral; tral - đg	Thức
Hơnul - đg	Đùa
Hơô - đg	Dứ
Hơpaih - d	Củi cành
Hơpaih - d	Đuốc
Hơpěch - đg	Kì cọ
Hơpĭnh hơdrĭ - đg	Van nài
Hơpĭnh hơpơi; hơdrĭ - đg	Van xin
Hơpĭnh sa - đg	Ăn xin
Hơpo; apo - d	Giấc mơ
Hơpo; ơ po; apo - đg	Mơ
Hơpok - d	Thăn
Hơpok anhem - d	Thăn thịt
Hơpong - đg	Thăm
Hơpong; tơpôl; khŭl - d	Đám
Hơpuih along ba - d	Chổi rơm

Hơpuih cham; puih cham -đg	Quét sân
Hơpuih ti - đg	Phủi tay
Hơpuih; puih - đg	Quét
Hơrao; pơpu - đg	Vo
Hơrâng - d	Bọ
Hơret - đg	Xiết
Hơret kơ jăp - đg	Xiết chặt
Hơri - đg	Ca hát
Hơri - đg	Ca xướng
Hơri hơdai - đg	Đồng ca
Hơri kră sở; joh - d	Dân ca
Hơri lơ bơngai - đg	Hát đồng ca
Hơri mĭng anu - đg	Hát đơn ca
Hơri Pơma - đg	Ca kịch
Hơri pơđâk - đg	Hát giao duyên
Hơri pơđâk; hơri tơanguở; hơri kră sở - đg	Hát dân ca
Hơri soang - đg	Ca múa
Hơri soang - đg	Ca vũ
Hơri tơanguở - đg	Hát sinh hoạt
Hơri tơdrong Huĕ - d	Ca huế
Hơrơt tơlĕi - đg	Bứt - dây
Hơrơt; hleh; hrĕch - đg	Bứt

Hơtaih dêh - t	Xa lắc
Hơtaih yaih - t	Xa xôi
Hơtaih; ataih - t	Xa
Hơtang - d	Cây xoan
Hơtat - đg	Ném mạnh
Hơtat - đg	Quẳng mạnh
Hơtăl - đg	Chồng
Hơtăl pơnhan - d	Chồng bát
Hơtăng - t	Mỏng
Hơtăng - t	Mỏng
Hơtăng hiơ hiơr - t	Mỏng dính
Hơtăng hơtŏ - t	Mỏng mảnh
Hơtăr; atăr - d	Quai
Hơte - d	Cháo
Hơtơih bơm - đg	Vấp phải
Hơtơih; kơ tơih - đg	Vấp
Hơtŏp along - đg	Cắm cây
Hơtŭk - t	Kém
Hơtŭk dêh - t	Kém quá
Hơtŭk tơpă - t	Kém thật
Hơtŭt - đg	Chạm
Hơtŭt - đg	Va
Hơtŭk; âp; pai; ŏp - đg	Luộc

Hơtŭt - đg	Đập vào
Hơuh - t	Ẩm
Hơvăl - t	Bận rộn
Hơvât - đg	Động - tác
Hơvât - d	Vung
Hơven hơvo; jĭ gơ - d	Uốn ván
Hơvĕng - đg	Gây gổ
Hơvir - t	Loạng choạng
Hơvŏng - t	Vô sinh
Hơvơi - đg	Với lấy
Hơvŏl bơngai - đg	Nhầm người
Hơvơr đak - đg	Khuấy nước
Hơvŏl - đg	Nhầm
Hơvŏl chơkhŏ - đg	Nhầm dép
Hơvŏl hnam - đg	Nhầm nhà
Hơvŏt kiĕng - đg	Vẫy đuôi
Hơvŏt; kuơch - đg	Vẫy
Hơxi; axi - đg	Hót
Hơyok jâng - d	Dấu chân
Hơyok; - tơdra - d	Dấu
Hơyô - đg	Đái
Hơyŏl - t	Rợp
Hơyŏl along - t	Rợp bóng cây

Hơyuh - d	Hơi
Hơyuh oh; hưch oh - đg	Mê em
Hơyuh tơ angiět - d	Âm độ
Hơyul plěi - d	Chùm quả
Hơyul pơkao - d	Chùm hoa
Hơyul; pơyul - d	Chùm
Hơblo jâng păng - ti	Phù chân tay
Hơblô jĭ pơôr; sah - t	Xanh xao
Hơblô; jĭ pơôr; bơo - d	Phù
Hơbo - d	Ngô
Hơbo arăk - d	Ngô tẻ
Hơbo tơyông - d	Ngô nếp
Hơbôn đon	Êm tai
Hơbŏl; hơbâl - t	Dày
Hŏ - t	Cay
Hŏ hơmrĕ; hŏ amrĕ	Cay ớt
Hŏk - đg	Cảm động
Hŏm đĕi	Có không
Hŏm; đĕi - đg	Có
Hŏt - d	Thuốc
Hŏt hla - d	Thuốc lá
Hrai - d	Con dòi
Hraih đang - đg	Ngã ngửa

Hraih jal - đg	Đánh chài
Hram - đg	Rỉ
Hrang - đg	Phóng
Hrat - t	Cực khổ
Hrat pơmat tat - t	Khắc nghiệt
Hră - d	Ná
Hră - d	Nỏ
Hră dŭk - d	Cung tên
Hră; hră kang - d	Cái nỏ
Hrăk; tơguăt - đg	Thắt nút
Hrăp - t	Thoả thích
Hrăp kơđon - t	Hả dạ
Hrăt - t	Chật
Hrăt - t	Hẹp
Hrăt hnam - t	Chật nhà
Hrăt hrot - t	Chật chội
Hrăt hrot - t	Chật hẹp
Hrăt hrot dêh - t	Bận lắm
Hrâng hreng - d	Ầm ì
Hrâng hreng; hrởng; hrởng hreng - t	Ồn ào
Hre - d	Dây mây
Hre - d	Mây

Hre - d	Nợ
Hrech klo kăn	Ly dị
Hrěch thěng; hreh; ngăn; thěng - t	Im lặng
Hreh kơbâl	Im mồm
Hreh tơtěng - t	Lặng ngắt
Hrěi hrěi - t	Đột ngột
Hrěng kro - t	Khô kiệt
Hrěng - d	Trăm
Hrěng; hrěng khot - t	Khô ráo
Hrěng; khor - t	Khô
Hrep - đg	Khều
Hrêu hrao - t	Khẳng khiu
Hri hrơ; hui huơ - t	Ngơ ngẩn
Hrih chrang - t	Cao giọng hát
Hring ka - đg	Xâu cá
Hring; tŏt - đg	Xâu
Hrŏ - t	Vơi
Hro; mơmŏ; Pơpan - đg	Bò
Hrok - d	Cái đơm
Hrok; tah - đg	Bỏ vào
Hrou hrěk - đg	Lẫn lộn
Hrŏ; och - đg	Xẹp

Hrŏk - d	Rận
Hrŏng; sŏng - d	Chông
Hrôih - d	Ban sớm
Hrôih - d	Buổi sớm
Hrôih - d	Sớm
Hrơ	Áy náy
Hrơ - đg	E ngại
Hrơ hrân - t	Nham nhở
Hrơ hrŭnh - t	Xù xì
Hrơ kơ kiơ	Ngại gì
Hrŏng hreng; âr ăr - t	Náo nhiệt
Hrŭk - đg - Anhŏng hrŭk sôm ao ăn kơ oh.	Bận
Hrŭk ao tơlŏ - đg	Mặc áo ấm
Hrŭ - đg	Bồi thường
Hrŭi anhiĕt; bŭch anhiĕt - đg	Nhổ cỏ
Hrŭi; bŭch; - toh - đg	Nhổ
Hrŭk - đg	Mặc
Hrŭk ao - đg	Mặc áo
Hu - d - Mai Lan bŏt kong hu alâng lăp.	Bạc
Huach - đg	Tốn
Huach; luih; tơxa - đg	Mòn

Huai - đg	Chuộc
Huai - đg	Khỏi lo
Huai - t	Không sao
Huai iŏk - đg	Chuộc lại
Huan - d	Gân
Huan - t - Bơngai drŏ kăn ŏu huan dêh.	Đanh đá
Huan - deh - t	Đanh đá quá
Huan jâng - d	Gân chân
Huan - ti - d	Gân tay
Huang - đg	Dạo
Huang ngôi - đg	Dạo chơi
Huăr - d	Giun đất
Huch anhot - đg	Húp canh
Huch chao - đg	Húp cháo
Huch đak - đg	Húp nước
Huch; trep - đg	Húp
Hue - đg	Ngoảnh
Hue măt - đg	Ngoảnh mặt
Huet; laih - đg	Liếm
Hui - t	Ít khi
Hui - d - Lăm poléi hui ho bơngai	Thưa
Hui amăng; phŏ phŏ p	Thỉnh thoảng

Hui hŏ - t	Lơ thơ
Hui hŏ - t	Thưa thớt
Hui kơđěi - t	Hoạ hoằn
Hŭi hŏ - t	Lác đác
Hŭk sôm ao - đg	Bận quần áo
Hul hang; tŏ hlơ hleng - t	Oi bức
Hum - đg	Tấm
Hum amŏi - d	Tấm đã
Hum đak dơnâu - đg	Tấm hồ
Hum đak krong - đg	Tấm sông
Hum đak thong - đg	Tấm suối
Hum đak tơxĭ - đg	Tấm biển
Hum glơi - đg	Tấm bơi
Hŭnh; ƀŏu; tơƀŏu - đg	Ngửi
Huŏk pơ ŏ; plěi pơ ŏ - d	Quả xoài
Huŏng - đg	Rớt
Huŏng; tơphě - đg	Rơi
Huŏr gre - d	Tài xế
Huŏr gre; wŏr gre - đg	Lái xe
Huŏr; wŏr - đg	Lái
Hut lě; tŭk hŭt - đg	Bác bỏ
Hŭt akâu - đg	Hi sinh
Hŭt lě - đg	Khắc phục

Hŭt - đg	Vứt
Hŭt lễ - đg	Vứt bỏ
Hư bơih	Hư rồi
Hư; răm - t	Hư
Hưch - đg	Yêu
Hưch băl - d	Ái tình
Hưch băl - đg	Yêu nhau
Hưch hanh - đg	Ham mê
Hưch hanh - đg	Say mê
Hưch hanh; răm; hueh - t	Hỏng
Hưdai băl ph	Hoà hợp
Hying hiâng; wâl dâng - đg	Ngơ ngác
Hyôi hyai - t	Lướt thướt
Hyŭ hyŭ; hơbôn; rơmuăn - t	Mềm
Hơ bĕn drŏ kăn; abĕn drŏ kăm; hơ bĕn - d	Váy

I i

Ĭ - đg	Ừ
Ĭ - đg - Anhŏng ƀar jĭt sơ năm? Ĭ	Dạ
Iam - d	Bu
Iam iĕr - d	Bu gà
Iam; pang - đg	Bâu
Iă - d	Bã
Iă - dêh	Mừng quá
Iă kơ tau - d	Bã mía
Iăp kơ jăp; kơjăp alŏng - t	Bền vững
Iâm alâng - t	Hiền hoà
Iâm dim - t	Hiền hậu
Ĭch - d	Cứt
Ĭch - đg	Ỉa
Ĭch - d	Phân
Ĭch axeh - d	Cứt ngựa
Ĭch iĕr - d	Phân gà
Ĭch kŏ - d	Cứt chó
Ĭch kơ pô - d	Phân trâu
Ĭch kơpô - d	Cứt trâu

Ĭch kroh - d	Cứt khô
Ĭch kưkă - đg	Ỉa bậy
Ĭch nhŭng - d	Phân heo
Ĭch rơmo - d	Cứt bò
Ĭch rơmo - d	Phân bò
Ĭch tơanguai - đg	Ỉa đồng
Iĕ iĕ - t	Be bé
Iel - t	Nhẵn
Iĕm, biĕm - đ	Chúng mày
Iep pơkao - đg	Hút mật hoa
Iep; doch; trep - đg	Hút
Iep; iôp - đg	Mút
Iĕr - d	Gà
Iĕr ak - d	Gà đen
Iĕr anăm - d	Gà ấp
Iĕr chơ choh - d	Gà chọi
Iĕr chơ choh - d	Gà đá
Iĕr dơmông - d	Gà cồ
Iĕr dơmông - d	Gà trống
Iĕr dơmông kreo - d	Gà trống thiến
Iĕr iĕ - d	Gà con
Iĕr iông; iĕr akăn - d	Gà mái
Iĕr mong; Iĕr kŏk - d	Gà trắng

Iĕ - t	Nhỏ
Iĕ ioch - t	Nhỏ nhắn
Iĕm; đe mai - d	Các chị
Iĕm; lu anhŏng; đe anhŏng -d	Các anh
Iĕm; lu bôl; lu bôl buăl - d	Các bạn
Iĕr bri - d	Con gà rừng
Iĕr ŏ - đg	Gà gáy
Iĕr tơchoh băl - đg	Chọi gà
Iĕr; 'yer - d	Con gà
In - đg	In
Ĭn ĭn	Ỉn
Ĭnh - đg	Tôi
Ĭnh oĕi hrŭk - đg	Tôi đang mặc
Iok đak - đg	Lấy nước
Iŏk klo hơkăn - đg	Kết hôn
Iŏ đơng sŏ	Bảo thủ
Iŏk - d	Lĩnh
Iŏk along - đg	Lấy cây
Iŏk ăn - đg	Lấy cho
Iŏk đĕch - đg	Tịch thu
Iŏk hơkăn plŏng - đg	Tái giá
Iŏk hơmet - đg	Thu xếp
Iŏk klĕnh - t	Vụng trộm

Iŏk klo plŏng - đg	Tái giá
Iŏk lăng - đg	Lấy thử
Iŏk mơng - đg	Tạm ứng
Iŏk mơng; mơng - đg	Vay mượn
Iŏk mŏt - đg	Lấy vào
Iŏk nŏr - đg	Thu thanh
Iŏk pơdrĕo - đg	Thu hồi
Iŏk pơdĭ - đg	Lấy hết
Iŏk pơdĭ - đg	Truy lĩnh
Iŏk pơjip - đg	Tham nhũng
Iŏk wă - đg	Thu hút
Iŏk wĕi - đg	Tiếp quản
Iŏk yua - đg	Hưởng thụ
Iŏk ƀŏt tơm; nhĭp; păt - đg	Tất
Iŏk ƀŏt tơm; tuĕnh; glĕch; pâr - đg	Vặn
Iông - d	Nái
Iông; akăn - t	Cái
Iôp ti - đg	Mút tay
Iôr - t	Còi cọc
Iung - đg	Đứng dậy
Iung adrin - đg	Tiến thủ
Iung đŏng tep; hơ anâr - đg	Thức dậy

Iung hrôih - đg	Dậy sớm
Iung klui - đg	Dậy muộn
Iung pơjăng - đg	Nổi dậy
Iung pơm; pơm jang - d	Hành động
Iung pơma - đg	Phát biểu
Iung ti - đg	Biểu quyết
Iung tơblah - đg	Quật khởi
Iung tơrỗ - đg	Phát động
Iung; ayung - đg	Dậy
Ĭ - đg	Vâng
Ĭ ah - đg	Vâng dạ
Ĭnh truh - đg	Tôi đến
Ĭnh wă - đg	Tôi muốn

J j

Jah - k	Hoặc
Jah tĕnh	Nhanh lên
Jah tĕnh; jah tơ tĕnh - t	Khẩn cấp
Jah tơ tơm - t	Kịp thời
Jak tơanguai - đg	Cuốn xéo
Jak; brong; rĕo; hơkăt - d	Cái gùi
Jal - d	Cái chài
Jang - d	Công
Jang - d	Lao động
Jang adrol - đg	Làm trước
Jang adrŏ - đg	Tự làm
Jang amăng tăm; jang hloi - đg	Làm ngay
Jang apah - đg	Làm công
Jang ayăt - d	Ngụy quyền
Jang ăn - đg	Hầu
Jang ăn - đg	Làm cho
Jang bơbrot	Làm liên tục
Jang brit - đg	Làm ẩu
Jang đĕch - d	Lao dịch
Jang đunh - t	Trường kỳ
Jang gŭm; jang tơgŭm - đg	Làm giúp

Jang hloh - đg	Làm hơn
Jang hơdai - đg	Hợp tác
Jang hơdai; tơdrăng - d	Tập thể
Jang hơđỡng - t	Cố định
Jang hơgăt - đg	Làm khoán
Jang hơiơch - đg	Làm nhẹ
Jang hrat - t	Lao khổ
Jang ka - d	Ngư dân
Jang kơdih - t	Tự cường
Jang kơđe - đg	Làm thuê
Jang lơ - đg	Làm nhiều
Jang lơ anăr - t	Dày công
Jang lơtrỏ - d	Công lao
Jang mir - đg	Làm đồng
Jang mir - đg	Làm rẫy
Jang ôn; hrĕp - t	Bí mật
Jang pơđĭ - đg	Làm hết
Jang pơmgăl - t	Hành chính
Jang sa arih dơnỡng; jang mir mĭnh tơmâng - đg	Định canh
Jang sa arih dơnỡng; ỏei tơnỡng; arih mĭnh hơnih -đg	Định cư
Jang tih - đg	Làm to

Jang tih - d	Quyền thế
Jang tôm; jơnŭm; hrŏu; pơ hrâu - đg	Tổng hợp
Jang yua - d	Công ích
Jang; pơm - đg	Làm
Jao ăn - d	Chỉ tiêu
Jao ăn - đg	Giao khoán
Jă - t	Hay
Jă dêh - t	Hay quá
Jăi - t	Tràn lan
Jăk tơnai; oĕi tơnai - đg	Di cư
Jăl - d	Đoạn
Jăl anao - d	Bước ngoặt
Jăl apăng - d	Đoạn thẳng
Jăl pơgŏr - d	Chế độ
Jăl pơxĕi - d	Tà vẹt
Jăl sơnăm - d	Kỷ nguyên
Jăl sơnăm - d	Thập kỷ
Jăl sơnăm - d	Thế kỷ
Jăl trong - d	Cây số
Jăl trong - d	Kilômét
Jăm - t	Sỉ
Jăm juă - t	Sỉ nhục

Jăm kơ nễ - đg	Chê xấu
Jăm; pơchê - đg	Chê bai
Jăr ; kơtăk - d	Nhựa
Jâng - d	Bánh
Jâng - d	Chân
Jâng along - d	Chân giả
Jâng ama - d	Chân phải
Jâng anăr - d	Chân trời
Jâng angiĕu - d	Chân trái
Jâng bĭp - d	Chân vịt
Jâng gre - d	Bánh xe
Jâng gre bơbĭt - d	Bánh xe máy
Jâng gre jrot - d	Bánh xe đạp
Jâng gre rơmo - d	Bánh xe bò
Jâng hoh - d	Chân đất
Jâng ioh - d	Chân què
Jâng kung - d	Chân cầu thang
Jâng ti - d	Chân tay
Jeh; raih; roch; blah - đg	Mổ
Jek - đg	Nhồi
Jet - đg	Hỏi
Jet apĭnh - đg	Đề xuất
Jet bu - đg	Hỏi ai

Jet hơpinh - đg	Hỏi thăm
Jět bôl - đg	Hỏi bạn
Jě - t	Gần
Jên - d	Tiền
Jên hŏk - d	Học bổng
Jên hơlai - d	Tiền lẻ
Jên hơmŭl - d	Tiền chẵn
Jên hu su kak - d	Tiền xu
Jên khăm lăng jĭ - d	Bệnh phí
Jên lơi - d	Tiền lãi
Jĭ - d	Bệnh
Jĭ - t	Nhức
Jĭ - đg - Anhŏng jĭ kiơ anoh?	Đau
Jĭ chin - d	Bệnh hủi
Jĭ chin - d	Cùi
Jĭ jua tơdrong jang - d	Bệnh nghề nghiệp
Jĭ kâl - đg	Đau đầu
Jĭ kâl - t	Nhức đầu
Jĭ klak - đg	Đau bụng
Jĭ kơ ting - đg	Đau khớp
Jĭ kơ ting - đg	Đau xương
Jĭ kơdŭ - đg	Đau lưng
Jĭ măt - đg	Đau mắt

Jĭ rơka - đg	Đau ngoài da
Jĭ rơka; hơbur - đg	Bị thương
Jĭ sơ nĕnh - đg	Đau răng
Jĭ sơnĕnh - t	Nhức răng
Jih - d	Cạnh
Jih trong - d	Mép đường
Jing - d	Thành
Jing - đg	Trở thành
Jing arih - đg	Hồi sức
Jing dŏng - đg	Tái tạo
Jing gơh - d	Tính chất
Jing keh - đg	Hình thành
Jing khŭl - d	Thành viên
Jing kiŏ - đg	Cảm hoá
Jing kơdih - t	Hoang dại
Jing răm - đg	Sa ngã
Jing; grŭp - t - Mir ba hnam ĭnh jing dêh.	Tốt
Jĭt - d	Số 10
Jĭt - tŏ - d	Chục cái
Jĭt ba r - d	Mười hai
Jĭ bŏ - d	Bệnh quai bị
Jĭ bơhleng - t	Ốm nghén

Jĩ bơlõ - d	Sốt rét
Jĩ dơxoh - đg	Đau phổi
Jĩ đunh đaih - d	Bệnh kinh liên
Jĩ gơ - đg	Co giật
Jĩ hiup - d	Bệnh hen
Jĩ hơdrap; hơ nâk hơdrap -đg	Cảm cúm
Jĩ hơlõng - đg	Đau họng
Jĩ hơlõng; pơangeh jĩ ako -d	Viêm họng
Jĩ jăn - đg	Đau yếu
Jĩ jâng - đg	Đau chân
Jĩ kơnol - d	Dịch hạch
Jĩ kren - d	Ung thư
Jĩ pơangeh	Bị sưng
Jĩ pơtôch - d	Ung nhọt
Jĩl - d	Con mang
Jĩt - d	Chục
Jĩt - đg	Chuốt
Jĩt - d	Mười
Jo - t	Què
Jo jăn - t	Tàn tật
Jo jâng - t	Què chân
Jo - ti - t	Què tay
Joh suang - d	Văn hoá nghệ thuật

Joh; hơri - đg	Hát
Jor - t	Hoang
Jŏng - đg	Ngóc đầu
Jŏng - đg	Rướn cổ
Jŏu - đg	Vu
Jŏu kư kă - đg	Vu khống
Jŏu kư kă - đg	Vu oan
Jô hŏnh - t	Héo hon
Jỗ - đg	Đếm
Jỗ kơl bơngai - đg	Đếm người
Jỗ pơraih - đg	Đếm thứ tự
Jỗ pơtôm - đg	Thống kê
Jỗ song; jỗ axong - đg	Phân chia
Jỗ sỗ - đg	Đếm số
Jơ - d	Đồng hồ
Jơ - d	Giờ
Jơ hngâm - d	Khí phách
Jơ jŏk - đg	Oán trách
Jơ loh - đg	Chọc
Jơ dăr - đg	Đồng hồ quay
Jơhnai - d	Đà
Jơhngâm đon - d	Đạo đức
Jơhngâm đon alâng - t	Nhân đức

Jơhngơi - đg	Cười to
Jơhngăm đon - d	Nội tâm
Jơhngăm đon; đon kơchĕng -d	Ý chí
Jơhngăm juen - t	Dai sức
Jơhngăm pran - d	Sức khoẻ
Jơhnơr - d	Thế hệ
Jơhnơr arih - d	Hoàn cảnh
Jơhnơr sŏ - d	Thế hệ trước
Jơjĕ; tơtil - t	Kế cận
Jơjŏk - đg	Càu nhàu
Jơjŏk - đg	Phàn nàn
Jơk - d	Màu xanh
Jơk - t - Oh đĕi ao kơang jơk alâng - dêh.	Xanh
Jơk adrih - t	Xanh lá cây
Jơk adrih - t	Xanh tươi
Jơk alŏng - t	Xanh lơ
Jơk găm - t	Xanh thẫm
Jơk kơxĕ - t	Xanh ngắt
Jơk kơxĕ - t	Xanh biếc
Jơk mơlion - t	Xanh rờn
Jơk plĕnh - t	Xanh da trời
Jơk ƀlĭk - t	Xanh ngát

Jơk ƀrach - t	Xanh rì
Jơla - d	Gai
Jơla kram - d	Gai - tre
Jơlak - d	Cái lạt
Jơlăng trong; jơnăng dor - d	La bàn
Jơloh - đg	Thọc
Jơlŏng - đg	Gồng
Jơlŏng nhŭng - đg	Gánh heo
Jơlŏng; anong; hônŏng - đg	Gánh
Jơlŭt - đg	Thúc
Jơlŭt; tơlŏ - đg	Xô đẩy
Jơlư; nuih; pân - t	Gan dạ
Jơma - d	Con nhím
Jơmang; rơseh - d	Da ngăm
Jơmăng; rĕng - t	Ngăm ngăm
Jơmo - t	Hên
Jơmo; pŭn; ai - t	May mắn
Jơmrang - d	Mào
Jơmrang iĕr - d	Mào gà
Jơmŭl - đg	Chọc tỉa
Jơnĕi - đg	Thắng
Jơnĕi - đg	Thắng lợi
Jơngong - đg	Tha

Jơngong kơting - đg	Tha xương
Jơnoi sot - đg	Thọ
Jơnôr - d	Nước cốt rượu ghè
Jơnŭm - d	Đại hội
Jơnŭm măt trăn - d	Đại hôi mặt trận
Jơnŭm akon - d	Hội họp
Jơnŭm bal - t	Liên hợp
Jơnŭm teh đak - t	Cộng hòa
Jơprê - đg	Xoè quạt
Jơva - d	Âm vang
Jơva - d	Tiếng động
Jŏp - d	Khắp
Jŏp jang - d	Khắp nơi
Jrah; rơkah - t	Thừa thãi
Jrang - t	Nhã
Jrang jrưt - d	Chôm chôm
Jră - đg	Đánh gia
Jră năng - đg	Đánh gia thử
Jrăng - d	Cái cột
Jrăng - d	Cái trụ
Jrăng - d	Cột
Jrăng hnam - d	Cột nhà
Jrăng ŭnh - d	Cột điện

Jreh jroh - đg	Vùng vẫy
Jreng lăng - đg	Do thám
Jrěu - đg	Hoan hô
Jro - đg	Giội
Jro - đg	Tưới
Jro đak - đg	Tưới nước
Jroh - đg	Đạp
Jroh păng jâng - đg	Đạp chân
Jrok - đg	Lạc đường
Jrok - đg	Lạc lối
Jrok - t	Lệch lạc
Jrok hiong; wŏl hiong - đg	Mất tích
Jrok kơ trong - t	Lệch đề
Jrŏng - đg	Hứng
Jrŏng đak - đg	Hứng nước
Jrŏng iŏk - đg	Hứng lấy
Jrŏu; lŭk - đg	Trộn
Jrôih sŏk - đg	Tỉa tóc
Jrŏp - t	Dầm thấm
Jrŏp the - đg	Thấm đất
Jruh jur - đg	Hạ cánh
Jrŭ - d	Sâu
Jrŭ đơng - t	Nông cạn

Jrũ nhơnhuěi - t	Sâu hoắm
Jrũm - d	Kim khâu
Jrũm ƀet pơgang - d	Kim tiêm
Jũ - t - Kon kŏ jũ hnam ĩnh	Đen
Jua - t	Hiu quạnh
Juaih; juăt gơh - t	Thành thạo
Juang; juang - dăr - t	Lượn
Juă - đg	Cán
Juă - đg	Giẫm
Juă jâng - đg	Giẫm chân
Juă kơpaih - đg	Cán bông
Juăt - t	Chuyên
Juăt - đg	Quen
Juăt ; nuih - đg	Dan
Juăt akŏu; dih kou - d	Bản chất
Juăt băl - t	Mật thiết
Juăt băl - đg	Quen nhau
Juăt băl; băt băl - đg	Quen biết
Juăt bŏ jang - đg	Quen làm
Juăt dêh - d	Tri kỷ
Juăt gơh - t	Thuần thục
Juăt jang - d	Chuyên môn
Juăt jue - t	Dày dặn

Juăt jue - đg	Quen thuộc
Juăt kơ nễ - d	Tật xấu
Juăt kơ nễ - d	Thói hư
Juăt kơeng - đg	Cưng
Juăt kơeng; kơeng; ưh kơeng -đg	Nuông chiều
Juăt kơnễ - d	Thói xấu
Juăt pơm - d	Chuyên nghiệp
Juăt yua - d	Thể lệ
Juăt yua - t	Thông dụng
Juăt yuă - đg	Chuyên cắt
Juăt ƀôh - đg	Quen thấy
Juěi - d	Nai
Juen - t	Dẻo dai
Juen - t	Khéo
Juěi - d	Con nai
Juơ - d	Cái cưa
Juơ - d	Cái dũa
Jur - đg	Xuống
Jur gre - đg	Xuống xe
Jur hnam - đg	Xuống nhà
Jŭk - d	Dây bẫy
Jŭm dar; tăp dăr; năm drŭt; năm kơdih - d	Xung quanh

K k

K	C
Ka - d	Cá
Ka adrĕng - d	Cá chiên
Ka adrĭh - d	Cá tươi
Ka bơ - d	Cá xộp
Ka chruơh - d	Cá chuối
Ka chruơh - d	Cá lóc
Ka chuôn - d	Cá chuồn
Ka đak tơxĭ - d	Cá biển
Ka hơ luăn - d	Cá bống
Ka hơpă; ka tăng pơler - d	Cá rô phi
Ka hrĕng - d	Cá khô
Ka kao - d	Ca cao
Ka kek - d	Cá chạch
Ka ki - d	Ka ki
Ka li - d	Ka li
Ka lô - d	Ca lô
Ka lôch - d	Cá chết
Ka nô - d	Ca nô
Ka pơ ôh - d	Cá ươn
Ka pơđŏm - d	Cá trắm

Ka pơm măm - d	Cá mắm
Ka ri - d	Ca ri
Ka rôih - d	Cá voi
Ka rôt - d	Cà rốt
Ka sơ kĕnh - d	Cá trê
Ka wat - d	Ca vát
Ka ƀuh - d	Cá nướng
Kach - đg	Bấu
Kach mang - d	Cách mạng
Kam - d	Chấu
Kam ƀa - d	Trấu lúa
Kang - t	Càng
Kang - d	Cằm
Kang - d	Cữ
Kang - d	Thân nỏ
Kang - d - Anhŏng iŏk kang tơdrô ge axong ĭnh.	Căn
Kang ƀŏ - d	Cán bộ
Kanh - d	Cảnh
Kanh alâng - d	Cảnh đẹp
Kanh đak - dơxĭ - d	Cảnh biển
Kanh sat - d	Cảnh sát
Kao - d	Cao

Kao - d	Ngạnh
Kao ap - d	Cao áp
Kao đăng - d	Cao đẳng
Kao ka sơkěnh - d	Ngạnh cá trê
Kao thể - d	Cao thế
Kao ƀrâm - d	Ngạnh tên
Kaoxă phao - d	Cao xạ pháo
Karate - d	Karate
Kăl - đg	Chặt đổ
Kăl - đg	Đốn
Kăl along - đg	Đốn cây
Kăl - dang ěi - t	Đột xuất
Kăl kơ oh	Cần em
Kăp - đg	Cắn
Kăp hăm ƀâr - đg	Cắn miệng
Kăp sơ něnh - đg	Cắn răng
Kăt anhěm - đg	Cắt thịt
Kăt anhěm - đg	Thái thịt
Kăt anhot - đg	Cắt rau
Kăt anhot - đg	Thái rau
Kăt kơ těch - đg	Cắt đứt
Kăt pơm ti - đg	Cắt vào tay
Kăt sŏk - đg	Cắt tóc

Kăt tơlěi - đg	Cắt dây
Kăt; kiět - đg	Thái
Kăt; yuă - đg	Gặt
Kâl gre - d	Đầu xe
Kâl kon bơngai - d	Dân số
Kâl pưl - d	Đầu trọc
Kâm kơ toi - đg	Cúng xua dịch
Kâm tơrông - đg	Cúng nhà rông
Kâp phỗi - d	Cấp phối
Kâp ui - d	Cấp ủy
Kěch ba - đg	Suốt lúa
Keh bơih; đang bơih - đg	Xong rồi
Keh kong; keh - đg	Hoàn thành
Kei dei - d	Chúa
Kem - d	Kẽm
Keng - d	Kèn
Keng kong - d	Hình vuông
Keng kong; dơbŭng - d	Vuông
Keo - d	Kẹo
Keo hiot - d	Kẹo kéo
Keo bum ngô - d	Kẹo lạc
Kep - d	Cái kẹp
Kep - d	Kìm

Kĕp - d	Kẹp
Kĕp along chih - đg	Cài bút
Kĕp ao - đg	Cài áo
Kĕp sŏk - đg	Kẹp tóc
Kĕp tơxi - đg	Cài lược
Kĕp; đăk - đg	Cài
Ket ako - đg	Bóp cổ
Ket kot - t	Kĩu kịt
Ket lôch - đg	Bóp chết
Kĕt keng - t	Đông đúc
Kĕt keng - t	La liệt
Kĕu ti - đg	Ngoéo tay
Kĕ chơn - p	Rất bình tĩnh
Kĕ jang	Làm nổi
Kĕ - tung	Khiêng nổi
Kĕch - đg	Suốt
Kĕu - đg	Ngoéo
Kĕu ti - đg	Ngoặc tay
Kêng - đg	Kiện
Kêng tơ toa - đg	Kiện lên toà
Khăi khŏ - t	Hiếm hoi
Khan - đg	Dặn
Khan bơih - đg	Nói rồi

Khan kơtă - t	Dạn
Khă bơih	Cản rồi
Khă; plah - t	Cam
Khăi kơ đěi - t	Hiếm có
Khăi; hui - t	Hiếm
Khăm - đg	Khám
Khăm năng tơdrong jĭ; khăm lăng jĭ - đg	Khám bệnh
Khăn hơbũng - d	Chăn đen
Khăn kơpaih - d	Chăn bông
Khăn pơlang - d	Chăn trắng
Khăn; buk - d	Chăn
Khěi - d	Nguyệt
Khěi lěch - d	Trăng lên
Khěi lěch - d	Trăng mọc
Khěi mônh - d	Tháng giêng
Khěi ning nơng - d	Chạp
Khěi pơnil - d	Trăng rằm
Khěi tơ pơxat - đg	Cúng tháng
Khěnh - t	Dữ
Khěnh - t	Hung dữ
Kher - t	Khan
Khěch - d	Trung quốc

Khěi - d	Tháng
Khěi mônh - d	Tháng 1
Khěi pơnil - d	Trăng tròn
Khěi tơƀang; tơƀang - d	Trăng khuyết
Khěi; klok - d	Trăng
Khěnh; mơkoh; pơkoh - t	Khó tính
Khêl - d	Cái khên
Khêl - d	Lá chắn
Khĭ ôh - đg	An tâm
Khiěr - d	Đĩa
Kho đak xăng - d	Kho xăng
Kho ƀrum phao - d	Kho đạn
Khŏ ap - t	Kham khổ
Khŏ pơ chuă - d	Dép da
Khoa đam iěng - d	Phó ct - thường vụ quốc hội
Khoa hnam trưng - d	Hiệu trưởng
Khoa tơ nơm - d	Chủ tịch
Khoa tơ pôl - d	Tổ trưởng
Khoa tơm jang - d	Trưởng phòng
Khoa wěi - d	Chủ nhiệm
Khoa wěi lăng - d	Giám đốc
Khok - t	Hóc

Khok kơ ting - t	Hóc xương
Khok kơting iĕr - t	Hóc xương gà
Khok kơting ka - t	Hóc xương cá
Khŏm khŏm - t	Miệt mài
Khop - d	Thiên chúa giáo
Khop - d	Tôn giáo
Khor hơlŏng - đg	Khát cổ
Khor kơ đak - đg	Khát nước
Khor; ol - đg	Khát
Khot - t	Ráo
Khŏm adrin; nŏng dŏng -đg	Cố lên
Khŏm khŏm - đg	Dần dần
Khŏm; nŏng; nhap - đg	Cố
Khỗ khỗ - đg	Cốc cốc
Khôi - t	Khê
Khôi đĩ - đg	Cháy hết
Khôi juăt - d	Bản sắc
Khôi juăt - d	Luật
Khôi juăt - d	Luật pháp
Khôi juăt - d	Phong tục
Khôi juăt - d	Phong tục t quán
Khôi juăt hơdai - d	Nguyên tắc chung
Khôi juăt krao - d	Pháp lệnh

Không - d	Không
Không - d	Khung
Không amăng - d	Khung cửa
Không brai - d	Khung dệt
Không brai; atâng - d	Khung cửi
Khở	Cho đến
Khởi - đg	Biến mất
Khua - đg	Chỉ đạo
Khua kơnuk teh đak - d	Thủ tướng chính phủ
Khua kuôk hỗi - d	Chủ tịch quốc hội
Khuă - d	Khoá
Khuă amăng - d	Khoá cửa
Khuen - d	Khâu
Khuen săng - d	Khâu dao
Khuen tơgăk; khuen rơ; khuen lơ bâk - d	Khâu rựa
Khul - d	Cộng đồng
Khul ưh kơ đěi pơm teh đak - t	Phi chính phủ
Khŭl - d	Đội
Khŭl - d	Hội
Khŭl jang kơ măi	Giai cấp công nhân
Khŭl jang mir ba	Giai cấp nông dân
Khŭl kon pơlěi - d	Dân chúng

Khŭl tơdăm - d	Chi đoàn
Khŭl tơdăm apung - d	Huyện đoàn
Khŭl tơdăm char - d	Tỉnh đoàn
Khŭl tơdăm kong san hô chĭ minh - d	Trung ương đoàn
Khŭl tơdăm tơring - d	Xã đoàn
Khul; tơpôl - d	Đoàn
Khŭl dơning khŭl nhôn năm jang.	Nhóm
Khŭl đe - d	Nhóm khác
Khŭl nhôn - d	Nhóm chúng tôi
Khŭl nhôn - d	Nhóm tôi
Khŭl pơtơm	Nhóm xuất phát
Ki - d	Hôm trước
Ki kơ jăp - đg	Kí kết
Ki sở - d	Trước kia
Kĭ hla ar pơ dŏng jang	Kí quyết định bổ nhiệm
Kĭ hla ar rôp - đg	Ra lệnh bắt
Kĭ hla ar tơdrong - đg	Ký sắc lệnh
Kĭ hla ar ưh kơ yua	Kí quyết định bãi nhiệm
Kĭ; dôk - d	Cái bè

Kial - d	Cơn gió
Kial - d	Gió
Kial bơhŭt - d	Dông
Kial hơbŭt - d	Gió bão
Kial hơk hơk - d	Gió hiu hiu
Kial huờr - d	Gió lốc
Kial jăng - d	Gió mạnh
Kial rơngâp; rơ ngơp - d	Gió mát
Kial thu - đg	Gió thổi
Kial tơngiĕt - d	Gió lạnh
Kiĕn - đg	Giắt
Kiĕk - d	Con cọp
Kiĕk - d	Con hổ
Kiĕng - d	Cái đuôi
Kiĕt - đg	Gọt
Kiĕt - đg - Mai kiĕt iĕr axong ĭnh pơm.	Sắt
Kiĕt anhot - đg	Sắt rau
Kiĕt kơ đoh - đg	Gọt vỏ
Kĭlô	Kilôgam
Kiờ juăt - d	Nguyên tắc
Kiơ; yă kiơ - d - Anhŏng krao kiơ?	Gì
Kiờ - đg	Theo

Kiờ wă; lăpkiờ - t	Thoả đáng
Kit ing - d	Con ếch ương
Kit jrang - d	Con chàng hiu
Kit kơpô - d	Con ếch đồng
Kĭt drŏk - d	Con cóc
Kla - đg	Trả
Kla jên - đg	Trả tiền
Klai - dêh	Chán lắm
Klaih - đg	Khỏi
Klaih - t	Lành
Klaih - đg	Thoát
Klaih đơng bơlŏ - đg	Khỏi bệnh
Klaih noh - d	Sau đó
Klak - d	Bụng
Klak - d	Lòng
Klak - d	Ruột
Klak ala - d	Bung dưới
Klak bor - d	Bụng chửa
Klak bơngai - d	Ruột người
Klak kơpal - d	Bụng trên
Klak rơmo - d	Lòng bò
Klak tih - d	Bụng to
Klak tih tap - d	Bụng bự

Klaming - t	Bù
Klang - d	Cái diều
Klang kok - d	Con cò
Klang kôm - d	Chim diều hâu
Klang; tơnglang - d	Máng nước
Klanh - d	Bọ gậy
Klanh - d	Lăng quăng
Klă ăn - đg	Đền đáp
Klă klang - d	Tay không
Klăm - đg	Bôi thêm
Klăn - d	Con trăn
Klăn pơnga - d	Con trăn hoa
Klăng - đg	San bằng
Klâm - đg	Liệng
Klĕ; tơ tông - đg	Cướp
Klen klon - t	Lén lút
Klĕnh - đg	Biến
Klĕnh - p	Lén
Klep hla ar - đg	Dán giấy
Klep the - đg	Dính đất
Klĕ tơtông - đg	Ăn cắp
Klĕ tơtông - đg	Ăn trộm
Klĕch; lơlôt - đg	Xuyên

Klĕng - d	Trán
Klĕng hok; kŏl pưl - d	Đầu hói
Klĕnh - đg	Trốn
Klĕnh hŏk - đg	Trốn học
Klĭ klăn - t	Mềm mục
Klĭk klâk - đg	Dập dềnh
Kling klơng - đg	Lênh đênh
Klĭ - t	Nhừ
Klĭk - t	Điếc
Klo - d	Chồng
Klo hơkăn - d	Chồng vợ
Klo ba - d	Chuồn chuồn
Klok - đg	Phai
Klong - đg	Chèn
Klong - đg	Chêm
Klong amăng - đg	Chèn cửa
Klong anhik - đg	Chêm cuốc
Klong măt - d	Nhãn cầu
Klong măt - d	Tròng mắt
Klong mit - d	Hạt mít
Klong rơ; klong tơgăk - đg	Chêm rựa
Klong săng - đg	Chêm dao
Klong sung - đg	Chêm rìu

Klop - đg	Băng bó
Klŏ - t	Sõi
Klŏ - t	Thạo
Klŏk - d	Cái rốn
Klŏk đak; klŏng đak - d	Đáy nước
Klŏk klak; pôm pham - t	Ruột thịt
Klŏng - d	Chỗ sâu
Klôt - d	Cái quần đùi
Klôt - d	Quần đùi
Klơm - d	Gan
Klơm iĕr - d	Gan gà
Klơm nhŭng - d	Gan heo
Klơm rơmo - d	Gan bò
Klơng; tưk - đg	Nhấc lên
Klŏp gŏ - đg	Đậy xoong
Klui - t	Muộn
Klưh; hơ on - đg	Âu yếm
Klưp - đg	Cụp
Klưp đon - đg	Cụp tai
Kŏ grĕnh	Chó gầm gừ
Kŏ su - d	Chó đẻ
Kŏ - tuh kon	Chó đẻ con
Koă khĕnh; kŏ gram	Chó dữ

Kŏh along chơ choh - đg	Chém thớt
Kŏh ka - đg	Chém cá
Koi - t	Cồng kềnh
Kok - d	Màu trắng
Kok - t - Kon iĕr kok.	Trắng
Kok hơnĕnh - t	Trắng răng
Kok hlăng - t	Trắng xoá
Kok hmông - t	Nõn nà
Kok hnhơr - t	Trắng phau
Kok tơmŏng - t	Trắng toát
Kok tơmông - t	Trắng hếu
Kŏk - d	Mõ
Kol - d	Cái u
Kol rơmo - d	U bò
Kon bơngai - d	Nhân loại
Kon drŏ kăn pơtao - d	Công chúa
Kon drŏ nglo pơtao - d	Hoàng tử
Kon drŏ kăn; adruh - d	Con gái
Kon drŏ nglo; dăm - d	Con trai
Kon hơ 'lâp; kon alâp - d	Con cái
Kon hơdruch - d	Con út
Kon kơdră - d	Con cả
Kon kơpô - d	Nghé

Kon minh anu - d	Con một
Kon ngai; kon bơngai - d	Con người
Kon pôm - d	Con hoang
Kon pơjing - d	Con đẻ
Kon pơlěi - d	Dân
Kon pơlěi - d	Đồng bào
Kon rong - d	Con nuôi
Kon rơmo - d	Con bò
Kon rơmo iě - d	Bê
Kon sơlam - d	Con thứ
Kon tơlăm klak - d	Bào thai
Kon; pôm - d	Con
Kong - d	Vòng tay
Kong hu - d	Vòng bạc
Kong kiơng - d	Vòng cổ
Kong kiơng; pơgŏu - d	Cái kiềng
Kong kŏi - d	Sọ
Kong kŏi - d	Gáy
Kong leng - d	Đom đóm
Kop - d	Con rùa
Kop - d	Rùa
Kŏu wah - d	Lưỡi câu
Kŏ - d	Chó

Kŏ jŭ - d	Chó đen
Kŏ kăp - đg	Chó cắn
Kŏ kuăl - đg	Chó sủa
Kŏ so - d	Sư tử
Kŏ so; kŏ bri - d	Chó sói
Kŏh ako - đg	Chặt cổ
Kŏh ako - đg	Chém đầu
Kŏh along - đg	Chặt cây
Kŏh; ƀet - đg	Chém
Kŏk kơpô - d	Mõ trâu
Kŏng - d	Cân
Kŏng ƀa - đg	Cân lúa
Kô chŏu; kach - đg	Cấu
Kôch - đg	Cào
Kôch - đg	Cào bới
Kôch - đg	Moi
Kôch - đg	Nạo
Kôch chuơh - đg	Bới cát
Kôch hơbong - đg	Nạo mương
Kôch mơh; kôch por - đg	Bới cơm
Kôch the - đg	Bới đất
Kôch trôk - đg	Nạo bùn
Kôch; chraih - đg	Bới

Kông - d	Công
Kông - d	Núi
Kông an - d	Công an
Kông hơlih - d	Núi lở
Kông kơđeh - d	Núi thấp
Kông kơjung - d	Núi cao
Kông lôk - d	Núi đồi
Kông lôk tih bât đak dơxĕ -d	Quần đảo
Kông lôk tôk bok đak dơxĕ; bol kông - d	Hòn đảo
Kông lôk; pơ tŏl - d	Gò
Kông ti; hơnĭh bŏ jang - d	Công ti
Kŏng san; bơngai pơm Kăch mang - t	Công sản
Kôp - đg	Bám
Kôp - đg	Đậu
Kơ bang chih tơanguai - d	Pa nô
Kơ châp; chŏp - đg - Oh chŏp sôm ao mă alâng.	Gấp
Kơ châp; klâp; kơchôt - đg	Gập
Kơ cheng ling lang - đg	Ấp ủ
Kơ chĕng 'ma' ngiĕo - đg	Ngẫm nghĩ
Kơ chŏk - d	Ca

Kơ chŏk - d	Cái cốc
Kơ chŏk - d	Ly
Kơ di teh đak - d	Chính trị học
Kơ dŏu pơlong - đg	Chạy đua
Kơ dŏ - t	Ngượng
Kơ dret prit - d	Nõn chuối
Kơ dŭn - t	Gan lì
Kơ đo - d	Bì
Kơ đo nhŭng - d	Bì lợn
Kơ jung hloih	Cao hơn
Kơ kom; hơmăn - đg	Tiết kiệm
Kơ kuh kơ bôl - đg	Chào bạn
Kơ kuh kơ ma - đg	Chào chú
Kơ kuh kơ mĕ - đg	Chào mẹ
Kơ kuh kơ mih - đg	Chào bác
Kơ kuh kơ bă - đg	Chào bố
Kơ kuh; hmach - đg	Chào
Kơ lâp	At
Kơ măi - d	Cái máy
Kơ măng - t	Tối
Kơ măng mŏt - d	Đêm khuya
Kơ nĕ dêh - t	Ác quá
Kơ nĕ; chư - t	Xấu

Kơ phê; ka phê; che phê - d	Cà phê
Kơ plah wah - d	Khoảng cách
Kơ sở dơning - d	Chiều mai
Kơ thơ - d	Thư
Kơ thơ hla ar bơnê - d	Thư chúc mừng
Kơ tơp - d	Bồ câu
Kơ tơp kŏk - d	Bồ câu trắng
Kơ tơp păr - đg	Bồ câu bay
Kơ yep - d	Dép lê
Kơ xổ jổ - d	Số đếm
Kơ ƀah - t	Eo hẹp
Kơ ƀang - d	Bảng
Kơ ƀang d Oh tơ oěi kơƀang tih to.	Bàn
Kơ ƀênh - d	Cái xẻng
Kơanăr; kơ năr - d	Ban ngày
Kơangêng - đg	Ngả
Kơangŏenh - đg	Nằm khèo
Kơanhip măt - đg	Nhắm mắt lại
Kơanhon - đg	Nhón gót
Kơanŏn - đg	Nằm co
Kơanŏn - đg	Ngồi co
Kơanơp - đg	Ẩn núp

Kơanơp - đg	Núp
Kơbăl jâng - t	Mỏi chân
Kơbăl măt - t	Mỏi mắt
Kơbăl; rơgah - t	Mỏi
Kơbŏp - t	Móp
Kơchang - đg	Vang
Kơchang hơtaih - đg	Vang dội
Kơchap - d	Vảy cá
Kơchăn - đg	Lấy đà
Kơchăng - đg	Lưu ý
Kơchăng lăng - đg	Chú ý
Kơchâp - đg	Xếp
Kơcheh - đg	Mẻ
Kơcheh - t	Vụn
Kơcheh get chai - d	Mẻ chai
Kơcheng ling lang - đg	Mơ màng
Kơchĕng ling lang - đg	Lưu luyến
Kơchĕng truh - đg	Liên tưởng
Kơchĭk - d	Cà chít
Kơchĭu - t	Bướng bỉnh
Kơchĭu - t	Nghịch ngợm
Kơchŏu; lak; plŏ - đg	Bóc
Kơchôp nhŭng - d	Móng lợn

Kơchôp rơ mo - d	Móng bò
Kơchôp; tơngiơh - d	Móng
Kơchôt; trơ trŭt - đg	Co
Kơchuh lŭt - đg	Vấp ngã
Kơdah - đg	Giăng ra
Kơdal - d	Mặt cắt cây
Kơdâu hĕnh - đg	Lao vút
Kơdâu hraih - đg	Lao
Kơdâu kŏ - đg	Chạy theo
Kơdâu kŏ; jŭk - đg	Đi theo
Kơdeh - đg	Lấp đất
Kơdĕn get đak - d	Nút bầu nước
Kơdĕn chai - d	Nút chai
Kơdih - d	Tự mình
Kơdih wă - d	Ý muốn
Kơdih yua - t	Có quyền
Kơdĭm - d	Hành
Kơdĭm hlah - d	Hàng lá
Kơdĭm hrĕng - d	Hành khô
Kơdŏu - đg	Chạy
Kơdŏu hrĕnh - đg	Chạy nhanh
Kơdŏu pơlong - đg	Chạy thi
Kơdŏ - t	E lệ

Kơdở - t	Ngược
Kơdở; mơlâu - đg	E thẹn
Kơdở - đg	Thẹn
Kơdở; mơlŏu - đg	Mắc cỡ
Kơdởl; krăl - t	Đặc
Kơdră kră teh đak; kơdră kră pơgâr teh đak - d	Chủ tịch nước
Kơdrăt - đg	Giật mình
Kơdrăt - đg	Hết hồn
Kơdret - d	Nõn
Kơdroh - d	Bã rượu
Kơduing; wing; kuĕch - d	Vòng
Kơdung; bi; bao - d - Mai ăn kơ ĩnh bao sak.	Bao
Kơdŭng - d	Bị
Kơdŭng - d	Cái túi
Kơdŭ - d	Lưng
Kơdŭn - đg	Lui
Kơdŭn tơrŏng - đg	Rút lui
Kơdŭng ao - d	Túi áo
Kơđah; đa - đg	Đá
Kơđang trong - đg	Bước qua đường
Kơđe dêh - t	Lùn tè

Kơđeh - t	Lùn
Kơđeh - t	Ngắn
Kơđeh - t	Thấp
Kơđeh hloh	Ngắn hơn
Kơđeh tơalŭt - t	Ngắn ngủi
Kơđeng - d	Đèn dầu
Kơđoh găm - d	Da đen
Kơđoh kŏk - d	Da trắng
Kơđoh; kơđok; hmok - d	Vỏ
Kơđong - d	Cái mủng
Kơđông linh - d	Doanh trại quân đội
Kơđŏng thŭng - d	Mủng
Kơđông - d	Doanh trại
Kơđôp ti - đg	Nắm tay
Kơđôp; pơpĕt; uh - đg	Nắm
Kơđum - d	Cái nia
Kơđum - d	Nia
Kơep - d	Con rết
Kơh luâk - t	Hốc hác
Kơhôp - d	Cái hộp
Kơhôp; tơnglăp - d	Hộp
Kơhreh - t	Thương tâm
Kơiĕng - d	Hông

Kơiěng; rơhiěu - d	Eo lưng
Kơjăp - t	Kiên cố
Kơjăp kơjăp - t	Vững vàng
Kơjăp tơpă - t	Chắc thật
Kơjăp tơpă - t	Nghiêm túc
Kơjăp; gěi - t	Chắc
Kơjăp; hơđờng - t	Vững
Kơjon jâng; hơm ren jâng - t	Tê chân
Kơjon ti; hơm ren ti - t	Tê tay
Kơjung - t	Dài
Kơjung adaih - t	Cao xa
Kơjung adaih - t	Dài mãi
Kơjung dêh - t	Cao vút
Kơjung dêh - t	Dài quá
Kơjung kơjap - t	Dằng dặc
Kơkach - đg	Gãi
Kơkach đon - đg	Gãi tai
Kơkach đơđik - đg	Gãi ngứa
Kơkach kơdŭ - đg	Gãi lưng
Kơkach kơl - đg	Gãi đầu
Kơkă - đg	Nhai
Kơkă hơdar deh - t	Nhấp nháp
Kơkă kơkăi đg	Cố nhai

Kơkoch; gơgoch - t	Nhột
Kơkong ti - d	Cánh tay
Kơkuh dŭch bơ tho - đg	Chào cô giáo
Kơkuh kơ anhŏng; kơkuh kơih - đg	Chào anh
Kơkuh kơ mai - đg	Chào chị
Kơkuh thâi bơ tho - đg	Chào thầy
Kơkur - d	Cái quạt
Kơkur - d	Chong chóng
Kŏl bơ be - d	Đầu dê
Kŏl bơngai - d	Đầu người
Kŏl ka - d	Đầu ká
Kŏl nhŭng - d	Đầu heo
Kŏl rơ mo - d	Đầu bò
Kơlap; gleh; lap - t	Mệt
Kơlap; muơ; yă lap - d	Con mối
Kơlăm - d	Cái tô
Kơlĕch - d	Lách
Kơleng - đg	Dòm ngó
Kơleng - đg	Ngó
Kơleng lăng - đg	Dòm thử
Kơleng; năng - đg	Nhìn
Kơlih; yua - d	Vì

Kơlol kơne - d	Hạch chuột
Kơm lă; liơ liĕr - t	Óng mượt
Kĕm axong - đg	Cấm cho
Kĕm đĭ - đg	Caấm hết
Kĕm đĭ - đg	Cấm tiệt
Kĕm jŏk - đg	Cấm lấy
Kĕm lĕch - đg	Cấm ra
Kĕm mât - đg	Cấm vào
Kơmăi - d	Máy móc
Kơman	Nước ăn chân
Kơmar - d	Sinh đôi
Kơmăi - d	Động cơ
Kơmăi - d	Máy
Kơmăl; bang - t	Đậm
Kơmăng - d	Ban đêm
Kơmăng - d	Buổi tối
Kơmăng - t	Khuya
Kơmăng mơt - d	Buổi đêm
Kơmăng mơt - d	Đêm tối
Kơmăt - d	Mật
Kơmlat - d	Chớp
Kơmlo - t	Câm
Kơmong - d	Thóp

Kơmot - d	Con vẹt
Kơmŏ; amĕ - t	Bẩn
Kơmu; hơmu - d	Nho
Kơmŭl - t	Cùn
Kơmung; kơvŭr - d	Màn
Kơmŭng - d	Cái màn
Kơmưt - d	Bùa mê
Kơmưt - d	Nghệ
Kơmưt - d	Thuốc mê
Kơn - d	Khăn
Kơn sĕo - d	Khăn mặt
Kơna - k	Cho nên
Kơnam - d	Ác cảm
Kơnam - đg	Hận thù
Kơnang - d	Bệ
Kơnang bơtho - d	Bệ giảng
Kơnang tơdrong - d	Hiến pháp
Kơnao - d	Bậc
Kơnao - d	Hạng
Kơnao - d	Nấc thang
Kơnao tơdrong - d	Hang mục
Kơnâm - d	Nơm
Kơne - d	Chuột

Kơne - d	Con chuột
Kơne kơchai - d	Chuột nhắt
Kơnễ tễ - t	Kì quái
Kơnh - d	Lát nữa
Kơnhŏng along; wĕch along -d	Ngọn cây
Kơnhŏng anhiĕt - d	Ngọn cỏ
Kơnhŏng; pla; wĕch - d	Ngọn
Kơnhrao - t	Cao lêu đêu
Kơning; ah - đg	Dựa
Kơnol - d	Hạch
Kơnơl - d	Gót
Kơnơl jâng - d	Gót chân
Kơnuk teh đak - d	Chính phủ
Kơpah - d	Trâm se
Kơpaih - d	Bông
Kơpaih ƀlang - d	Bông gòng
Kơpal - d	Trên
Kơpăt - d	Bồ hòn
Kơpen - d	Cái khố
Kơpen - d	Khố
Kơpen găm - d	Cái khố đen
Kơpen hiah - d	Khố rách
Kơpen hơbŭng - d	Khố đen

Kơpen ƀlang - d	Khố trắng
Kơpil; pơkuěi; ngang - t	Bưởng
Kơpĭt jơ - đg	Bấm giờ
Kơpĭt; kơtĭt - đg	Bấm
Kơpla - t	Thường thường
Kơplah - d	Dịp
Kơplah - d	Trong lúc
Kơplah kơplơt - t	Lơ lửng
Kơplah noh - d	Lúc đó
Kơplah; lăm - d	Lúc
Kơpô - d	Con trâu
Kơpô - d	Trâu
Kơpô găm - d	Con trâu đen
Kơpô găm - d	Trâu đen
Kơpô kok - d	Trâu trắng
Kơpô kŏk - d	Con trâu trắng
Kơpô kon - d	Con nghé
Kơpô tơ tăm - đg	Trâu húc nhau
Kơpu - đg	Gội
Kơpu - đg	Vò
Kơpu anhot - đg	Vò rau
Kơpu kŏl; hum kâl - đg	Gội đầu
Kơrôm; rim rôm - d	Gầm

Kơtah - đg	Nhảy xuống
Kơtak - đg	Cục tác
Kơtang tĩt; kơtang - t	Dữ dội
Kơtau - d	Mía
Kơtau angam - d	Mía ngọt
Kơtă - d	Cán bông
Kơtă - t	Tại chỗ
Kơtăp bĩp - d	Trứng vịt
Kơtăp cheh	Trứng nở
Kơtăp dơt - đg	Đẻ lang
Kơtăp iĕr - d	Trứng gà
Kơtăp klao - d	Dái
Kơtăp klao bơbe - d	Dái dê
Kơtăp pơđe - d	Trứng ung
Kơtăp; tăp - d	Trứng
Kơtâng ang - d	Dư luận
Kơtâng ư - đg	Đồn đại
Kơtech - đg	Dứt
Kơtĕch - đg	Đứt
Kơteh - d	Mề
Kơteh - đg	Thêu thùa
Kơteh - t	Tua
Kơteh iĕr - d	Mề gà

Kơtěch - đg	Tắc
Kơtěch jơhngơm - đg	Tắc thở
Kơtěch trong - đg	Đứt đường
Kơtěch; đĩ; pơđĩ; tôch - đg	Hết
Kơthao - d	Cái chậu
Kơthŭng; thŭng - d	Cái thùng
Kơting - d	Xương
Kơting ka - d	Xương cá
Kơting kơdŭ - d	Xương sống
Kơting tơbong - d	Hàm
Kơting tơbong sơnĕnh - d	Hàm răng
Kơtĭt - đg	Ấn
Kơtĭt - đg	Đè lên
Kơtoh - đg	Giọt
Kơtoh - đg	Nhỏ xuống
Kơtong - đg	Đá
Kơtŏng - d	Con hươu
Kơtŏng - d	Hươu cao cổ
Kơtơh - d	Ngực
Kơtơh hai	Ngực nở nang
Kơtơp - d	Chim bồ câu
Kơtơp bri - d	Chim gáy
Kơtŏ - d	Lược bí

Kơtơn - d	Người chủ
Kơtu - d	Làng hoang
Kơtuang - đg	Quàng
Kơtuăl - d	Cục
Kơtuăl - đg	Cuộn
Kơtuăl brai - d	Cuộn chỉ
Kơtuăl the - d	Cục đất
Kơtuh - d	Cái tủ
Kơtuh kơmĭl - d	Tủ kính
Kơtul - t	Dốt
Kơtul dêh - t	Dốt thật
Kơtul mơluk - t	Dại dột
Kơtul; răm - t	Dở
Kơtum - d	Bà con
Kơtum - d	Con kỳ đà
Kơtŭm kơting - d	Huyết thống
Kơtưăl tơlĕi - d	Cuộn dây
Kơvăl - d	Phạm vi
Kơxăi - đg	Hắt
Kơxeh - đg	Hắt xì
Kơxeh - đg	Hỉ mũi
Kơxeng - đg	Lụi
Kơxeng - t	Rục

Kơxep; pet - đg	Véo
Kơxĕ - t - Plĕi ôi oĕi kơxĕ.	Xanh
Kơxoh - d	Nước miếng
Kơxỗ hơnglah - d	Phân số
Kơxở - d	Ban tối
Kơxở - d	Chiều
Kơxở - d	Buổi chiều
Kơbah - t	Hẹp hòi
Kơbah - t	Thiếu thốn
Kơbah nâr - t	Thiếu tiếng
Kơbang - d	Cái bàn
Kơbâp - đg	Giập
Kơl - d	Đầu
Kơl kơ pô - d	Đầu trâu
Kơm - đg	Cấm
Kơt kơn - d	Khăn quàng
Kram - d	Tre
Kram kră - d	Tre già
Kram pơ nũng - d	Tre non
Krang - d	Đèo
Krang krĕl - t	Táo bón
Krang Mang Yang - d	Đèo Mang Yang
Krao - đg	Gọi

Krao iung	Gọi phải dậy
Krau khan - đg	Cầu khẩn
Kră - t	Già
Kră hnam - d	Chủ nhà
Kră krut - t	Già dặn
Kră pơlěi - d	Già làng
Krăl - đg	Đọng lại
Krăl - d	Thuốc độc
Krem - d	Kem
Krem đak toh - d	Kem sữa
Krěo kŏ - đg	Thiến chó
Krěo kơ pô - đg	Thiến trâu
Krěo rơ mo - đg	Thiến bò
Kret; chôn; tơxen - t	Ích kỷ
Krě	Bị còi
Krěch - p	Suýt nữa
Krěo - đg	Thiến
Krěo nhŭng - đg	Thiến heo
Krên - đg	Buộc chặt
Kring - d	Phượng hoàng
Kro - t - Ka kro tăng ƀoh dêh	Khô
Kron - đg	Giam
Kron - đg	Nhốt

Kron axeh - đg	Nhốt ngựa
Kron gre - đg	Nhốt xe
Kron nhŭng - đg	Nhốt heo
Kron rơmo - đg	Nhốt bò
Krong - d	Sông
Krong đak - d	Sông nước
Krong sir - d	Sông đào
Krŏi krŏi - đg	Rập rập
Krŏng - đg	Thức khuya
Krŏng; pơdong; grong - đg	Túc trực
Krô - d	Mọi khi
Krôh - d	Gùi có nắp
Krŏi - d	Quả bưởi
Krŏi ayŭ - d	Quả chanh
Krŏi kam - d	Quả cam
Krông krang - d	Nhiều dốc
Krôp - đg	Ôm
Krôp oh - đg	Ôm em
Krơt - t	Kít
Krŭ - d	Bò tót
Krŭ - d	Con bò tót
Krŭi - d	Cam
Krŭi angam - d	Cam ngọt

Krŭi ayŭ - d	Cam chua
Kruih - đg	Rút
Krŭl; hrŭl - t	Vắng
Krưh tơpă - t	Oai thật
Krưh; rŏ - t	Oai
Krưp - kng	Dễ sợ
Krưp - t	Ghê gớm
Krưp - t	Oai hùng
Krưp dêh - t	Gay gắt
Krưp dêh - đg	Khủng khiếp
Krưp dêh - t	Mãnh liệt
Kŭa; pơjăng - đg	Chối
Kuan - d	Quan
Kuang - d	Háng
Kuă - t	Không muốn
Kuă - t	Không thích
Kuăng - đg	Hãy dậy sớm
Kuăr krôp - đg	Choàng
Kuek - đg	Moi ra
Kueng - d	Xóm
Kueng nhôn - d	Xóm tôi
Kuer - đg	Khoan

Kuer along - đg	Khoan gỗ
Kuer đak - đg	Khoan giếng
Kuěch - đg	Quay
Kuěch kuěl - t	Vòng vèo
Kuěnh - d	Con vượn
Kul keng - d	Khửu tay
Kŭl tăng; akơn - d	Đầu gối
Kŭm bưh - t	Được đấy
Kung - d	Cái thang
Kung - d	Cầu thang
Kung tŏk - d	Thang
Kuơch krao - đg	Vẫy gọi
Kuơch ti; hơvŏt ti - đg	Vẫy tay
Kŭp - đg	Cúi xuống
Kŭp; tơgât - đg	Gục
Kŭn - t	Lì
Kŭp - đg	Cúi
Kŭp kâl - đg	Cúi đầu
Kŭ kă - t	Lung tung
Kưkă - t	Bậy
Kưt - d	Ếch
Kưt kông - d	Ếch ương

Kưt; kit - d	Con ếch
Kưt; kit - d	Con nhái
Kữ kă - t	Bậy bạ
Kữ năm; phai - p	Cứ đi
Kữ pơma - p	Cứ nói
Kữ sa - p	Cứ ăn
Kữ; ngě - đg	Cứ

L l

Lach bu - p	La ai
Lah; lai yơ - p	Bao giờ
Lai yơ - p	Khi nào
Lak - d	Lang ben
Lak kơđoh - đg	Bóc vỏ
Lang - đg	Tháo ra
Lao đon - đg	Nản chí
Lar măt; bơ yar măt - đg	Mở măt
Lar; plơih; - tak; yaih - đg	Mở
Lat - t	Phẳng
Lă - đg	Nhả
Lă - đg	Nhảy ra
Lăm	Khi
Lăm - d	Lớp
Lăm - d	Phòng
Lăm akŏu - d	Thể chất
Lăm arih - d	Sinh mệnh
Lăm bơnga - di	Nhân vật
Lăm cheng găn - d	Trong phòng
Lăm hnam - d	Trong nhà
Lăm hnam trưng - d	Trong trường

Lăm hơioh - d	Lớp mẫu giáo
Lăm hrŏu - d	Lớp ghép
Lăm kơchĕng - d	Ý
Lăm kơđeh - t	Sơ cấp
Lăm kơjung - t	Cao cấp
Lăm kơplah - d	Trong bối cảnh
Lăm kơvăl - d	Trong phạm vi
Lăm lăp ai - t	Trung cấp
Lăm plenh the - d	Thiên nhiên
Lăm plenh teh; tơ nơm teh đak - d	Địa lý
Lăm pơmin - d	Quan điểm
Lăm to - t	Thầm kín
Lăm to - d	Trong kia
Lăm tŏk bŏk	Chính giữa
Lăm tơdrong - d	Tình hình
Lăm tơduă; tơdua - d	Nội bộ
Lăm tơring - t	Sở tại
Lăm ŭnh hnam - d	Hộ gia đình
Lăm yua - đg	Cách dùng
Lăng ba; wĕi lăng - đg	Chăm sóc
Lăng jâng - ti	Kỷ niệm
Lăng ti wi - đg	Xem ti vi

Lăp ai - t	Bình thường
Lăp ai - t	Trung bình
Lăp băl - đg	Ưng thuận
Lăp đon - đg	Bằng lòng
Lăp đon - d	Thiện chí
Lăp đon; ƀlep kơ đon - t	Vừa ý
Lăp jơ hngâm - t	Đồng tình
Lăp jơhngơm - đg	Toại nguyện
Lăp jơhngơm - t	Vừa lòng
Lăp kiờ - đg	Thoả hiệp
Lăp kơđon - đg	Hài lòng
Lăp măt - t	Dễ thương
Lăp minh đon - đg	Thống nhất
Lăp pơyan - t	Đúng mùa
Lăp wă - t	Nồng nàn
Lăp wă - t	Thích hợp
Lăp ƀěnh - t	Vừa đầy
Lăp ƀlěp - t	Hoàn hảo
Lăp ƀơr - t	Vừa miệng
Lě hơkě - t	Mảnh dẻ
Lěch - đg	Nảy
Lěch - đg - Ưh kơđěi todrong jang sư lěch tơdrong.	Sinh

Lěch hơdah; blêt - đg	Loá sáng
Lěi a - đ	Thế à
Lěi lă - t	Cân bằng
Lek - đg	Nhe
Lek sơnĕnh - đg	Nhe răng
Leng đe	Canh chừng
Leng gong - d	Sau nửa đêm
Leng kơ - đg	Cả thảy
Leng kơ - đ	Tất cả đều
Leng; lăng - đg	Canh
Lĕnh - t	Mượt mà
Lep - d	Cào cào
Ler - d	Dế
Ler; kong kŏt - d	Dế mèn
Lĕch - đg	Ra
Lĕch alâng - đg	Ra tốt
Lĕch blung - đg	Ra đầu tiên
Lĕch blung - đg	Xuất phát
Lĕch đak - đg	Ra nước
Lĕch đak măt - d	Nước mắt rơi
Lĕch đŏng hŏk - đg	Tan học
Lĕch đŏng kho - đg	Xuất kho
Lĕch đŏng lĭnh - đg	Xuất ngũ

Lěch ngôi - đg	Ra chơi
Lěch tơanguaih - đg	Ra ngoài
Lěch tơdrong - đg	Sinh chuyện
Lěch tơbôh; năm tơ bôh - đg	Trình diện
Lěch ŭnh - đg	Nảy lửa
Lěch ŭnh - đg	Ra lửa
Lěi - đ	Vậy
Lěi bơih - d	Vậy đấy
Lěi lăi - đg	Giống nhau
Lê - d	Lễ
Lễ - đg	Chừa
Lễ yo; anĕ jỗ; pă jỗ - đg	Xin lỗi
Le - tl	Hèn
Lêl - t	Hèn nhát
Lêl răm - t	Hèn hạ
Lich - d	Lít
Liĕl - đg	Thè
Liĕl poĕt - đg	Thè lưỡi
Liĕm - t	Đẹp
Liĕm - tơpă - t	Đẹp thật
Liĕng - d	Sách
Lin - d - Ih jĭ kiơ anoh? Ĭnh jĭ lin, jĭ sơnĕnh dêh.	Lợi

Lin sơnĕnh - d	Lợi răng
Ling lang - p	Luôn luôn
Linh gak - d	Lính gác
Lĭnh - d	Chiến sĩ
Lĭnh pơlĕi - d	Dân quân
Lĭnh pơlĕi - d	Du kích
Lĭnh - d	Bộ đội
Lĭnh - d	Lính
Loa - d	Loa
Loi kơđe - t	Hơn người
Lom - d	Bồ
Lom đŏk - d	Bồ cám
Lom phe - d	Bồ gạo
Lom ba - d	Bồ lúa
Lom boh - d	Bồ muối
Lon - đg	Cách quãng
Lŏng akar - đg	Lột da
Lŏng; tơplo - đg	Lột
Lôch - đg	Băng hà
Lôch bơih; hiong bơih; răm bơih - đg	Chết rồi
Lôch mol - đg	Ngất xỉu
Lôch pơmat - đg	Hấp hối

Lôch rơvět - đg	Chết đói
Lôch; hiong - đg	Chết
Lôh - đg	Lỗ
Lôh - dêh	Lỗ quá
Lôk đôk - đg	Bập bềnh
Lôk đôk - t	Cập kềnh
Lôm hờt - đg	Cuốn thuốc
Lôm sơkok - đg	Cuốn chiếu
Lôm tơlěi - đg	Cuốn dây
Lôm; wen - đg	Cuốn
Lơ - t	Đông
Lơ - d - Lơ ƀar nar mônh khěi pơđăm.	Thứ
Lơ bâk; rưa; tơgăk - d	Cái rựa
Lơ bơngai - d	Đa số
Lơ bơngai - d	Nhiều người
Lơ - drâu - d	Thứ bảy
Lơ leng; iăl - p	Rất nhiều
Lơ lĩ - đg	Kỳ cọ
Lơ mĩnh - d	Thứ hai
Lơ pêng - d	Thứ tư
Lơ pơđăm - d	Thứ sáu
Lơ puăn - d	Thứ năm

Lơ tơdrong - t	Đa dạng
Lơ ƀar - d	Thứ ba
Lơi - đg	Lãi
Lơi - d	Lợi
Lơi - d - Năr ŏu inh năm pơdro ka lơi jĭ rơbŏu.	Lời
Lơi yua; yua - d	Lợi ích
Lơliơ - d	Thế nào
Lơlŏu - d	Thế này
Lơlŭ; tơangot	Chà
Lơlŭt - đg	Chen lấn
Lŏk - đg	Trải
Lŏk sơkok - đg	Trải chiếu
Lŏn; lân	Đất sét
Lŏp - d	Ngập
Lŏp gơng - đg	Ngập cầu
Lŏp trong - đg	Ngập đường
Lŏp ƀa - đg	Ngập lúa
Lu bân; lu bơn đ	Chúng ta
Lu iĕm - d	Bọn mày
Lu ĭnh - d	Bọn tao
Lu kon - d	Cá con
Lu la; lơ la - d	Con gián

Lu nhôn - d	Bon tớ
Lu oh; đe oh - d	Các em
Lu sâu, lu mon - d	Các cháu
Lu; khul - d	Bọn
Luăn - đg	Nuốt
Luăn jrok - đg	Nuốt trổng
Luăn luăn - đg	Cố nuốt
Lui kiờ yang	Mê tín dị đoan
Lui nguan; nguan - t	Ngoan
Lui; put - đg	Tin
Luih đĩ - d	Mòn hết
Lung - đg	Nựng
Lung - đg	Vỗ về
Lung oh - đg	Dỗ em
Lung rơmuăn	Êm ru
Lung; pơlung - đg	Dỗ dành
Luŏn jrok - đg	Nuốt chửng
Lũ - đg	Ăn ngon
Lũch dêh - t	Tệ bạc
Lũch răm - t	Quá tệ
Lũt - đg	Cắm vào
Lũt - đg	Nhét vào

M m

Ma - d	Bố dượng
Ma - d	Cậu
Ma - d	Chú
Mah bơih; tôm bơih	Đủ rồi
Mah jơhngâm - t	Can đảm
Mah jơhngâm - t	Dũng cảm
Mah; tôm - t	Đủ
Mai kơdră - d	Chị cả
Mai oh pôm mĕ ƀă - d	Chị em ruột
Mai pôm mĕ ƀă - d	Chị gái
Mai tơmăm - d	Chị nuôi
Mai; mơmai - d	Chị
Maih - d - Anhŏng ăn kơ oh kong maih.	Vàng
Mak klĕng rơ mo	Bướm trên trán con bò
Mam - d - Anhŏng răt mam pơm kiơ anoh?	Sắt
Mam pơjing - d	Sấ xây dựng
Man - đg	Nặn
Man - đg	Xây

Man hnam - đg	Xây nhà
Man tơmam ngôi ngơ - đg	Nặn đồ chơi
Man ƀuih - đg	Nặn men
Mang kâu - d	Na
Mă alơ alâng	Hay cẩn thận
Mă ăn - k	Dù cho
Mă đunh	Cho lâu
Mă hiăng; tơtĕnh - t	Mau lên
Mă hơkăn - d	Mẹ vợ
Mă khan - k	Dù rằng
Mă lĕi - k	Nhưng
Mă lĕi - k	Nhưng mà
Mă mĭnh - t	Độc nhất
Mă ŏu	Cái này
Măc ai - t	Thoải mái
Măk - t - Ih năm răt tơ mam măk dêh.	Đắt
Măk - d - Ih năm răt tơ mam măk dêh.	Mắc
Măk ai - đg	Mặc kệ
Măm - d	Mấm
Măm hĕch - d	Mấm cơm
Măm hĕch - d	Mấm ruốc

Măm măm - đg	Bú mớm
Măng - d	Đêm
Măng hơ đờng - d	Đêm yên tĩnh
Măng kênh - d	Tối nay
Măng klăm; kơ ŭl; gơlŭng - t	Mịt mù
Măr - t	Nhát
Măt - d	Mắt
Măt - d	Mặt
Măt anăr; anăr	Mặt trời
Măt bơbul - d	Mắt mờ
Măt bơngai - d	Cử tri
Măt bơngai - d	Tên người
Măt hlom tơ lăn - đg	Nhìn vào trong
Măt khĕi - d	Mặt trăng
Măt mêng - dreng	Bướm vàng
Măt mêng juangd	Bướm lượn
Măt mêng kŏk - d	Bướm trắng
Măt mêng par - đg	Bướm bay
Măt mêng; pơlai - d	Bướm
Măt mêng; pơlai - d	Con bướm
Măt mĭl - d	Kính
Măt mĭl - d	Cái kính
Măt piơng - d	Mắt lé

Măt plim - t	Quáng gà
Măt tol - d	Mắt mù
Măt tol - t	Mù mắt
Măt ünh hnam - d	Nhân khẩu
Mâm toh mĕ - đg	Bú mẹ
Mâm; mŏm - đg	Bú
Mâng đâng - d	Từ khi
Mâng đâng - d	Từ lúc
Mĕ - d - Ô mĕ năm jang brŏk bơih.	Má
Mĕ klo - d	Mẹ chồng
Meng tơđŏk - d	Gò má
Meo - d	Con mèo
Meo - d	Mèo
Meo kach - đg	Mèo cào
Meo kăp - đg	Mèo caắn
Mĕ - d	Mẹ
Mĕ pơjing - d	Mẹ đẻ
Mĕ rong; mĕ tơ măm - d	Mẹ nuôi
Mêu - d	Hề
Mêu - d	Tượng nhà mồ
Mi - d	Anh nuôi
Mi - d	Anh rể

Mi - d	Mỹ
Mi; duch - d	Em dâu
Mih - d	Bác
Mil hơreh - đg	Căm giận
Mĭm - d	Con tê giác
Mĭn - d	Mìn
Ming jĭ jăn; hơmet; ming -đg	Điều trị
Ming met - đg	Cải tạo
Ming rông - đg	Cúng rửa tội
Ming yang đak; hlĭch - đg	Cúng giọt nước
Ming yang; soi yang; sơmaih -đg	Cúng giàng
Minh lich - d	Một lít
Mĭnh chăl sơnăm - d	Một thế kỷ
Mĭnh hrĕng - d	Một trăm
Mĭnh khĕi - d	Một tháng
Mĭnh 'măng gieng - d	Một tuần
Mĭnh puăt - d	Một nửa
Mĭnh puăt - d	Nửa
Mĭnh puăt - d	Rưỡi
Mĭnh puăt jơ - d	Nửa tiếng
Mĭnh rơ bŏu - d	Một nghìn
Mĭnh rơhngâm; pong băl - t	Hoà thuận
Mĭnh sơnăm - d	Một năm

Mĩnh tơring - t	Đồng hương
Mĩnh; mônh - d	Số 1
Mir - d	Nương
Mir - d	Rẫy
Mir hơbo - d	Nương ngô
Mir hơƀo - d	Rẫy ngô
Mir na - d	Ruộng nương
Mir nar - d	Nương rẫy
Mir ƀa - d	Nương lúa
Mir ƀa - d	Rẫy lúa
Mir ƀum - d	Nương khoai
Mir ƀum ƀlang - d	Nương sắn
Mir ƀum ƀlang - d	Rẫy sắn
Mit - d	Mít
Mit - d	Quả mít
Mit arăng - d	Mít ráo
Mit đum - d	Mít chín
Mit klĩ - d	Mít ướt
Mit kơxĕ - d	Mít xanh
Mit tinh; akom lơ bơngai - đg	Mít tinh
Mĩl; yo - đg	Giận
Mĩm - d	Trâu rừng
Mĩn - d	Quả mìn

Mĩnh anu - d	Một người
Mĩnh blah - d	Một chiếc
Mĩnh dong - doi - d	Một dãy
Mĩnh găr; mĩnh - tŏ - d	Một con
Mĩnh jăk; mĩnh anhrong - d	Một đoạn
Mĩnh pah; kơpah - d	Một bên
Mĩnh; mônh - d	Một
Mlăi - d	Cái pháo
Mŏ ma - di	Cô dâu
Mŏ mai; mi - d	Chị dâu
Moih; hơnghĕnh - d	Muỗi
Mok - đg	Mót
Mok ba - đg	Mót lúa
Mong - d	Bạch tạng
Mong - đg	Dành dụm
Mong - đg	Đựng
Mot kơmơh; mot kơpor; ât kơpor; ĕnh mơh - đg	Nhịn cơm
Mot; ât; ĕnh - đg	Nhịn
Mŏ - d	Con dâu
Mŏk - d	Cốm
Mŏng chêng - d	Chiêng nhỏ
Môch - đg	Chìm

Môch - đg	Đắm
Môch - đg	Lặn
Môch đak - đg	Lặn nước
Môch hrơ hrěng - đg	Chìm nghỉm
Môk - d	Cái mũ
Môk kơlăm - d	Mũ sắt
Mơ mŏu - d	Cây nấm
Mơ mŭng - d	Bàng quang
Mơ nat - t	Tội nghiệp
Mơ nhal - đg	Chói
Mơ sêh - d	Quyền phép
Mơ sêh - t	Siêu phàm
Mơ xêh - d	Phép thần
Mơdơr - đg	Ghê tởm
Mơgrĭ; pơgrĭ - d	Ghét
Mơh arăng - d	Cơm tẻ
Mơh ăn bơngai lôch - d	Cơm cúng
Mơh khôi; por khôi - d	Cơm cháy
Mơh tơyông; por tơyông - d	Cơm nếp
Mơh; por; hă; ngoh - d	Cơm
Mơi; tơ kơi; krao - đg	Mời
Mơja; pơja - d	Con chồn
Mơkai - d	Dưa hấu

Mơkuĕi - d	Kỳ nhông
Mơlôh - t	Lỡ cỡ
Mơlôh - t	Tre trung
Mơmâng ; pơmâng - đg	Lắng nghe
Mơmĭl; pơ ơh - đg	Tức giận
Mơmŏ - đg	Lê la
Mơn bôh - đg	Cảm thấy
Mơnat anhŏng - đg	Nhường anh
Mơnat băl - đg	Nhường nhau
Mơnat bôl - đg	Nhường bạn
Mơnat oh - đg	Nhường em
Mơng - đg	Mượn
Mơng jên - đg	Mượn tiền
Mơng tơmam - đg	Mượn đồ
Mơnit - d	Phút
Mơti - d	Mồ côi
Mơyang - d	Thiên thần
Mŏk - d	Bọt xà phòng
Mŏng; kơtŏng - đg	Nghe
Mŏr - t	Màu mỡ
Mŏt tơlăm - đg	Vào trong
Mrô trŏ - d	Đáp số

Mu - d	Cái mũi
Muh - d	Mũi
Muh măt - d	Mặt mũi
Muh bŏu - d	Khướu giác
Muih plâng - đg	Vỡ hoang
Mŭk drăm so - d	Di sản
Mul - đg	Tạc tượng
Mum - d	Góc
Mum - d	Xó
Mum hnam - d	Góc nhà
Mum hơnâng - d	Góc vuông
Mum pơ gar - d	Góc vườn
Mut - d	Búa
Mut iĕ - d	Búa nhỏ
Mut tih - d	Búa tạ
Mut; mua - d	Cái búa
Mŭk drăm - d	Tài sản
Mŭk drăm hơbĭ - d	Của cải chung
Mŭk kơdih - d	Tư sản
Mŭk tơmam - d	Hàng hoá
Mŭk; tơmam - d	Của cải
Mŭn - d	Mụn
Mŭn đuh; pơteng - d	Mụn nhọt
Mưk - t	Chậm chạp

N n

Na - d	Ruộng
Nar tơmônh - d	Sáng mốt
Nar tơning - d	Sáng mai
Nă - d	Bác gái
Nă hŏk char đe - đg	Du học
Năm ataih - đg	Đi xa
Năm ăn - đg	Tiếp tế
Năm ba - đg	Dẫn
Năm ba	Tiễn đưa
Năm ba brŏk - đg	Đưa đón
Năm blah - đg	Đi đánh giặc
Năm chă ĭch - đg	Đi ỉa
Năm chop; chop - đg	Rình
Năm chơ - đg	Đi chợ
Năm dăr lăng - đg	Đi tuần
Năm drŭt; chơ chur - đg	Tấn công
Năm hloi - đg	Đi ngay
Năm hŏk - đg	Đi học
Năm hơpong - đg	Đến thăm
Năm hum - đg	Đi tắm
Năm jang - đg	Đi làm

Năm jě - d	Tiếp cận
Năm kữ kă; rah rơp - đg	Lang thang
Năm lăng - đg	Đi thăm
Năm mâng - đg	Dự
Năm mĩnh anih - đg	Đi tập kết
Năm mờt - đg	Đi vào
Năm mờt - đg	Gia nhập
Năm ngôi - đg	Đến chơi
Năm phă - đg	Đi phá
Năm pơrờng - d	Sự cố
Năm pơtrui - đg	Hành quân
Năm prah - đg	Đi bắn
Năm rôp - đg	Truy nã
Năm sơng - đg	Đi đón
Năm tơ bri roh - đg	Đi vào rừng
Năm tơ bôh	Cho thấy
Năm tơyơ - đg	Đi đâu
Năm truh; thar - đg	Đi đến
Năm; yak; nơnăm - đg	Đi
Năng hla bơar - đg	Xem sách
Năng hơlen - đg	Kiểm thảo
Năng pơnhen; pơngơr; lăng hơlen	Nhìn kỹ

Năng tông - đg	Theo dõi
Năng tơbăt - đg	Nhìn thẳng
Năng tơbăt - đg	Ôn tập
Năng; lăng - đg	Xem
Năr gieng - d	Tuần
Năr kiở kơkhěi - d	Âm lịch
Nâr wă khan - d	Ý nghĩa
Nâr apĭnh - đg	Kiến nghị
Nâr hơdaih - d	Vị ngữ
Nâr kơdih - d	Túc từ
Nâr kơdih mă pêng - d	Đại từ ngôi ba
Nâr pơkăp - d	Pháp luật
Nâr pơma hlôi - d	Trạng ngữ
Nâr pơma keh kong - d	Câu hoàn chỉnh
Nâr tơangla kơdih - d	Chủ ngữ
Nâr trở ƀlep - d	Ngữ pháp
Nâr yom; nâr krao - đg	Xưng hô
Nem - d	Nem
Nem đing - d	Nem ống
Nĕ iŏk - đg	Đừng lấy
Ngach - t	Nguội
Ngach bơih - t	Nguội rồi
Ngang tơpă - t	Bướng thật

Ngar - d	Than
Ngar along - d	Than củi
Ngar tơ mo - d	Than đá
Ngar trôk - d	Than bùn
Ngar ŭnh - d	Than lửa
Ngăn hreh - t	Lặng lẽ
Ngăn thĕng - t	Lặng yên
Nge - t	Sơ sinh
Ngĕi ngĕi - t	Cấp bách
Ngeh - đg	Tưởng
Ngeh; chang - đg	Hi vọng
Ngeh ngăi - đg	Mơ tưởng
Ngeh ngăi	Ảo tưởng
Ngeh; jâu - đg	Nghi ngờ
Ngĕ kơ jang - p	Cứ làm
Ngĕng - đg	Quấy
Ngok - d	Bột ngọt
Ngok - đg	Tu
Ngok đak - đg	Tu nước
Ngong - d	Con ngỗng
Ngôi - đg	Chơi
Ngôi dang tŏ - đg	Sưởi nắng
Ngôi ngŏr - đg	Chơi đùa

Ngôi ngơr - đg	Vui đùa
Ngơk - đg	Ngửa cổ
Ngơkơt - d	Kì đà
Ngơr - đg	Phá
Nhă blăl - đg	Uống tục
Nhă đak - đg	Uống nước
Nhă; et - đg	Uống
Nhân iơk yơng - đg	Nhận chức
Nhen	Kỹ
Nhen - k	Như
Nhen - t	Rõ
Nhen rơđah; rơđah - t	Rõ ràng
Nhêu - d	Nhiễu
Nhi - d	Bọn tôi
Nhi - d	Hai chúng tôi
Nhi; bân - d	Bọn mình
Nhih nhŭn; achao - d	Cái võng
Nhĭk rơuơ - d	Cày
Nhĭnh tơbơt - đg	Bắt gặp
Nhong tăng; tăng - d	Ống điếu
Nhôn; lu nhôn - đ	Chúng tôi
Nhơ nhĕn - p	Sắp đứt
Nhơ nhuang - t	Mảnh khảnh

Nhơ nhuěi - t	Xâu hoắm
Nhơ nhŭnh - t	Mập phì
Nhŏm - t - Oh nhŏm lơ dêh.	Khóc
Nhŭng - d	Heo
Nhŭng - d	Lợn
Nhŭng bŏng - d	Lợn đực
Nhŭng iông - d	Lợn nái
Nhŭng iông; nhŭng akăn - d	Heo cái
Nhur ŭnh - đg	Hơ lửa
Nhŭng - d	Con lợn
Nhŭng bŏng - d	Heo đực
Nhŭng chưk - đg	Heo ủi
Nhưm - đg	Nhuộm
Ning mônh; anŏ; đâng rŏng kơnh - d	Sau này
Ning nai kai kơnh - d	Viễn cảm
Ning nai kai kơnh; anŏ năp - d	Tương lai
Noh - đ	Kìa
Noh ha	Vậy hả
Noh nai	Cái khác
Noh to - d	Đó kìa
Nôm - d	Giỏ
Nôm tah ka - d	Giỏ cá

Nôm; tơvaih - d	Cái giỏ
Nơnoh; thoi noh; lơlěi; duh lěi lăi kng	Như vậy
Nơr pơma - đg	Câu
Nơr pơma amônh - d	Câu đơn
Nơr pơma - tơnat - d	Câu phức
Nŏr - d	Lời
Nŏr - d	Tiếng
Nŏr apĭnh - đg	Trưng cầu
Nŏr apơi - đg	Cầu nguyện
Nŏr athěi; athěi - d	Lệnh
Nŏr chih - đg	Hành văn
Nŏr hiap - d	Lời nguyền
Nŏr hơgop; plěi nâr hơgop - d	Từ ghép
Nŏr lăn to - d	Nghĩa bóng
Nŏr mĭnh; plěi nâr hơlai - d	Từ đơn
Nŏr pơ wih; plei nâr pơvih -d	Động từ
Nŏr pơđŏk - d	Bài thơ
Nŏr pơđŏk; pơ đŏk nŏr - d	Ca dao
Nŏr pơkă - đg	Di chúc
Nŏr pơlung - d	Lời ru
Nŏr pơma - d	Lời nói
Nŏr pơma - d	Ngôn ngữ

Nŏr re - d	Ngữ âm
Nŏr so - d	Ngụ ngôn
Nŏr so sŏ - d	Ngạn ngữ
Nŏr tơblang - d	Từ giải nghĩa
Nŏr tơchĕng	Từ suy nghĩ
Nŏr tơglĕ; plĕi nâr plok - d	Từ láy
Nŏr tơm - d	Từ gốc
Nŏr tơm; nâr tơm - d	Từ điển
Nŏr ư ang - d	Tiếng tăm
Nŏr yan ŏu - d	Nghĩa đen
Nŏr yơpơn; nŏr pơdrŏng - d	Câu đố
Nŏr; nâr - d	Từ
Nuih - d	Anh dũng
Nuih kơtang; kơtang y	Anh hùng

O Ô Ơ

O	O
Ŏ - đg - Iĕr ŏ.	Gáy
Oa - đg	Oà
Oa oa - đg	Oa oa
Oĕi - đg	Đang
Oĕi - đg	Ở
Oĕi alŏp - t	Ngây thơ
Oĕi ataih - đg	Ở xa
Oĕi băl hrôih - đg	Tảo hôn
Oĕi brŏk - đg	Đang về
Oĕi chang - d	Ước vọng
Oĕi đĕi - đg	Còn tồn tại
Oĕi hnam - đg	Ở nhà
Oĕi hnam akă - đg	Ở rể
Oĕi hŏk - đg	Đang học
Oĕi hŏk - đg	Còn học
Oĕi hơayuih - p	Còn ướt
Oĕi hơdoih - đg	Ở chung
Oĕi hơioh - p	Còn thơ ấu
Oĕi hơkăn - đg	Cưới chồng
Oĕi hơnŏng - kng	Còn nguyên vẹn
Oĕi hơnŏr - p	Còn thức

Oěi iak	Đang đi
Oěi iễ	Ở gần
Oěi jor	Ở giá
Oěi klo kăn	Hôn nhân
Oěi kơchěng	Phân vân
Oěi kơdih	Ở riêng
Oěi kơtă	Nội trú
Oěi krao hơkum	Đang tập hợp
Oěi lăng Anhŏng kŏng an oěi lăng trong	Gác
Oěi lěi lăi	Nguyên bản
Oěi nge	Còn thơ dại
Oěi ngôi	Đang chơi
Oěi ngôi	Ở chơi
Oěi ngôi	Tạm trú
Oěi pơm	Đang làm
Oěi pơma dih băl	Đàm thoại
Oěi sa	Ăn ở
Oěi sa - đg	Đang ăn
Oěi sa alŏng - t	Trung hậu
Oěi sa; pơma sa - đg	Đối xử
Oěi thoi so - d	Nguyên hình
Oěi thoi so; đêl đăi k	Như cũ

Oěi ti - to	Ở phía trên
Oěi tŏk bŏk cham; anĕ cham - đgd	Ở giữa sân
Oěi tŏk bŏk hnam - ddg	Ở giữa nhà
Oěi tŏk bŏk; anĕ - đg	Ở giữa
Oěi to˘- p	Còn nóng
Oěi tŏ; tŏ hơhŭi - t	Nóng hổi
Oěi tơ anguaih - đg	Ngoại trú
Oěi tơ brih - đg	Ở ngoài rừng
Oěi tơblang - đg	Đang giải thích
Oěi tơhlăk - đg	Còn vướng
Oěi tơhlăk; ưh wăn - t	Bận
Oěi tơmăm - đg	Ở vú
Oěi tơpă	Mừng thật
Oěi tơyơ - đg	Ở đâu
Oěi ƀlŏk - kng	Còn nhớ
Oěi ƀlŏk - đg	Vấn vương
Oěu klo - đg	Cưới vợ
Oěi alŏp; oěi alâp - p	Còn trẻ
Oěi; bĭ; hrong; oěi đěi - đg	Còn
Oh - d	Em
Oh alâng tơpă - d	Em đẹp gái
Oh hơdruch - d	Em út

Oh pôm mĕ ƀă - d	Em ruột
Oh tơmăm - d	Em nuôi
Ong - d	Chú rể
Ong - d	Ong nghệ
Ong pơtao - d	Phò mã
Ong sôch	Ong đốt
Ŏŏ - t	O o
Ot - đg	Cưa
Ot - đg - Anhŏng ot brŏ ià dêh	Kéo
Ot along - đg	Cưa cây
Ot brŏ - đg	Kéo đàn
Ot hơ ƀo - đg	Xay ngô
Ot tŏr - đg	Xẻ gỗ
Ot ƀa - đg	Xay lúa
Ot; dlah - đg	Xẻ
Ŏu; êh - đ	Này
Ông - d	Con rể
Ôn - đg	Giấu
Ôn hlơp - đg	Giấu kín
Ôn klĕnh - đg	Giấu giếm
Ôr; tơkĕch; hơdrăi - đg	Hét
Ôr jĭ - đg	Rên đau
Ôh	À

Ôi - d	Ổi
Ôi đum - d	Ổi chín
Ôi kơxĕ - d	Ổi xanh
Ôm - t	Thối
Ôn - đ	Ẩn nấp
Ôn; kơdâp	Ém
Ôp mă goh - đg	Rửa sạch
Ôp ti - đg	Rửa tay
Ôr glơgleng - t	Inh ỏi
Ôr tơ kĕch - đg	Gầm thét
Ơ ih - d	Ầm ĩ
Ơh - đg	Oán
Ơh areh - đg	Oán thù
Ơh blĕk - đg	Oán hận
Ơh klai - t	Bẽ bàng
Ơh ol - đg	Day dứt
Ơi - c	Ơi
Ơm jŏl - đg	Ngại ngùng
Ơ	Ơ
Ơp yŏp - t	Rậm rạp

P p

Pah pha pah	Chuyền
Pah - đg	Thưởng
Pah ăn - đg	Thưởng cho
Pah bŏng lôngđg	Chuyền bóng
Pah lăp - đg	Khớp
Pah pach - t	Luống cuống
Pai anhot - đg	Luộc rau
Pai anhot - đg	Nấu canh
Pai mơh; pai por - đg	Nấu cơm
Pai tơdrô; âp sik - đg	Nấu rượu
Pai; ŏp; âp - đg	Nấu
Paih to - d	Bên kia
Palti - d	Trên kia
Pang - d	Dòng họ
Pang gah mĕ - d	Mẫu hệ
Par klang - đg	Thả diều
Pat - đg	Mài
Pat anhĭk - đg	Mài cuốc
Pat rơ; pat tơ găk, pat lơ bâk -đg	Mài rựa
Pat săng - đg	Mài dao
Pat sung - đg	Mài rìu

Pă alâng; ưh kơ alơng; chữ kơnễ - t	Không tốt
Pă ăn - t	Không đưa
Pă băt - t	Ngớ ngẩn
Pă gơh jing - t	Đồi bại
Pă gơh yua - t	Không dùng được
Pă hiôk klak - đg	Não ruột
Pă hlot	Ế
Pă hơ dờr - d	Lim
Pă hơ dờr - t	Ngọt lịm
Pă hŭt - t	Không bỏ
Pă jing - t	Không thành
Pă kě - t	Bất lực
Pă kě - đg	Đuối sức
Pă mêm - t	Bất hiếu
Pă rơhing; kuă - t	Không thèm
Pă tom; ưh kơtom - t	Không kịp
Pă trŏ jơ hngờm - t	Không hiệp lực
Pă ƀiờ - d	Chốc lát
Pă ƀiờ; tŏxĕt - d	Chút ít
Pă ƀlŏk - t	Hờ hững
Pă ƀôh	Biệt ly
Pă ƀôh - t	Không thấy

Pă; ưh - t	Không
Păi hŭt; tŭk - đg	Phá huỷ
Păi sŏk - đg	Chải tóc
Păk kê - d	Con tắc kè
Păng - d	Lóng
Păng - d - Along kram ŏu lơ păng dêh.	Đốt
Păng bu kng	Với ai
Păng kơ tao - d	Lómg mía
Păng kram - d	Đốt tre
Păng kram - d	Lóng tre
Păng; hăm - đg	Và
Păng; hăm - đg - Oh năm jang păng ĩnh.	Với
Păr - đg	Bay
Păr bŏng lŏng - d	Bóng chuyền
Păt ŭnh - đg	Tắt lửa
Pâk - đg	Bổ
Pâk hraih - đg	Bổ ngửa
Pân - t	Bó
Pân jâng - t	Bó chân
Pâng hơdral - đg	Cắm mốc
Pâng; tang - đg	Đóng

Peh hơbo - đg	Giã ngô
Peh ba - đg	Giã gạo
Peh; sok - đg	Giã
Pel năng - đg	Sờ thử
Pel; hơli - đg	Sờ
Peng pong - t	Bẹp
Peng pong - t	Méo mó
Pět - đg	Nắn
Pêng - d	Số 3
Pêng - d - Nărpêng ĩnh năm chă ngôi.	Ba
Pêng hdoih - đg	Ba cùng
Pêng jĩ pêng - d	Ba mươi ba
Pêng jĩt - d	Ba mươi
Pêng reng - d	Ba trăm
Pêng rơ bâu - d	Ba ngàn
Pêng tŏ - d	Ba cái
Pha - t	Khác
Pha ra - t	Khác nhau
Pha ra; kơ dih - đg	Cách biệt
Phaih - d	Công điện
Phak - đg	Bỏ tù
Pham - d	Máu

Pham kŏ - d	Máu chó
Pham kơting - d	Máu xương
Pham lĕch - đg	Máu chảy
Phang - t - Kăt ba pơyan phang.	Khô
Phang ang - d	Hạn hán
Phang hngach	Cả năm
Phang kro - d	Nhiệt đới
Phang tŏ - đg	Dãi nắng
Phang; hur - đg	Hơ
Phanh; tơlĕch - đg	Bật
Phao - d	Súng
Phao kơ nong - d	Đại bác
Phao kơ tuang - d	Súng ống
Phara hloh - t	Đặc biệt
Phăl - đg	Hay giúp đỡ
Phe - d	Gạo
Phe arăng - d	Gạo tẻ
Phe hle - d	Gạo mới
Phe hơlom - d	Gạo không gãy
Phe pơpông - d	Gạo nở
Phe tơyông - d	Gạo nếp
Phep - d	Lễ phép

Phě; hleh - đg	Hái
Phěi - d	Rái cá
Phêng - t	Toang
Phĭ - t	No
Phĭ dơnŏ - t	No ấm
Phĭ tơ nŏ đ	Ấm no
Phim amêm băl - d	Phim tình cảm
Phim bơngai hơ iă - d	Phim hoạt hình
Phim teh đak - d	Phim thời sự
Phim tơ blah - d	Phim chiến đấu
Phĭn - đg	Chup
Phĭn rup - đg	Chụp hình
Phiơl - p	Tênh
Phiơl hơ iơch - t	Nhẹ tênh
Phĭ bơih - t	No rồi
Phĭ klak - t	No bụng
Phong kali - d	Ca li
Phŏ	Đôi khi
Phôm - đg	Đánh rắm
Phôt phông - d	Không gian
Phôt phông - d	Bầu không khí
Phŏk; bŭk - d	Mốc
Phu tơxĭ - đg	Đổ tung